

MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ !!!

Người Long Hồ

Một Thời Đáng Nhớ, Rất Đáng Nhớ chỉ là một đoạn văn ngắn, rất ngắn tản mạn về hồi ức của một người tuổi đã quá thất thập. Chỉ là Một Thời Đáng Nhớ, nhớ gì viết nấy, viết để cho con cháu tôi hay những thế hệ sau tôi biết rằng cha anh họ cũng đã có một thời sống như thế ấy. Và cha anh họ cũng đã làm hết sức mình những mong duy trì cho những thế hệ sau, nếu không tốt hơn thế ấy, ít nhất cũng bằng được như thế ấy... Nhưng lực bất tòng tâm, cơ trời đã khiến cho vận nước ra như vậy. Minh tự hỏi sau ngần ấy năm trôi qua chắc thời gian cũng đủ dài để cho chúng ta chiêm nghiệm rằng đất nước này đã từng có một thời đáng nhớ, rất đáng nhớ!!! Ông bà cha mẹ tôi được sinh ra từ miền Núi Ấn Sông Trà của vùng xứ Quảng vô cùng xinh đẹp của đất nước, vì hoàn cảnh mà trên một trăm năm trước, ông bà nội ngoại của tôi đã phải thiên di về Đất Phương Nam tìm đất sống. Và họ đã định cư tại vùng đất nằm giữa hai con sông lớn: Tiền Giang và Hậu Giang, đất Vĩnh Long. Với tôi, Vĩnh Long chẳng những là nơi mà tôi đã sinh ra và lớn lên bên dòng sông Long Hồ hiền hòa với ruộng vườn cây trái xanh tốt quanh năm, mà Vĩnh Long còn là nơi đã cho tôi đọng đầy những kỷ niệm của thời thơ ấu. Nơi mà mẹ đã mớm cho tôi từng giọt sữa đầu đời. Nơi tôi đã ăn học suốt thời Tiểu và Trung học. Đó là nơi mà tôi đã vẫy vùng trong tình cha nghĩa mẹ, tình làng nước, tình quê hương trong suốt đoạn đời thơ ấu. Mặc dù quê hương tôi không có những con đại lộ thẳng tắp, hay những con lộ rộng thênh thang với hàng me rợp bóng như đại lộ Lê Thánh Tôn ở Sài Gòn, cũng không có những đồi núi thơ mộng như Đà Lạt hay bãi biển xinh đẹp như Nha Trang, Vũng Tàu, nhưng tôi thương quá những con hương lộ đá xanh đá đỏ, thương quá những con đê bờ ruộng, thương quá sông nước Vĩnh Long, thương quá những thôn nghèo đạm bạc với những xóm nhà lá đơn sơ mộc mạc, nơi ấp ủ quá nhiều kỷ niệm thân thương của một thời cấp sách đến trường. Làm sao tôi quên được những đêm trăng sáng thả lưới trên dòng sông Long Hồ hay bữa đăng trong những con rạch quanh vùng? Làm sao tôi quên được những buổi sáng hai anh em tôi (tôi và một đứa em trai đã quá vắng) thức dậy thăm lưới khi trời vẫn còn mù sương trên mặt sông? Làm sao tôi quên được những hình ảnh thân thương của mái trường xưa, mái trường Tổng Phước Hiệp,

nơi mà các thầy cô đã hun đúc cho tôi thành người. Làm sao tôi quên được người dân xứ Vĩnh hiền hòa của tôi? Giờ đây dù xa quê vạn dặm nhưng lúc nào hình bóng Vĩnh Long cũng ở trong tôi bằng tất cả tấm lòng mến yêu trân quý. Tôi không biết địa danh Vĩnh Long hay Long Hồ đã có tự bao giờ trong dòng lịch sử Nam Tiến của dân tộc Việt Nam, nhưng với tôi hai chữ Vĩnh Long hay Long Hồ lúc nào cũng thân thương, thân thương tự trong máu huyết, thân thương lưu truyền từ đời ông, đời cha cho mãi đến đời tôi. Tuy Vĩnh Long không phồn hoa đô hội như Cần Thơ, Mỹ Tho hay Sài Gòn, nhưng với tôi Vĩnh Long đẹp, đẹp lắm. Vĩnh Long là nơi đưa tôi vào đời, nuôi tôi khôn lớn và chấp cho tôi đôi cánh để tôi bay lượn trên khắp các miền thế giới. Thực tình mà nói, tôi đã đi qua nhiều vùng đất với đủ đầy vẻ đẹp thiên nhiên hay nhân tạo như Grand Canyon ở Arizona, Yosemite ở Bắc California, Yellow Stone Park, Miami (Florida), Alamo (Texas), Salt Lake (Utah), Buffalo (New York), Niagara Falls (Michigan), Nam Vang, Bangkok, Singapore, Bataan (Philippines), núi Phú Sĩ ở Tokyo, Washington D.C., Tân Đê Li, Ma Ni La, Toronto (Canada), Melbourne, Sydney, Perth, Darwin, Nam Úc, Brisbane, Paris, London, vân vân, nhưng có lẽ chưa có nơi nào gây được cho tôi cảm xúc rộn ràng như Vĩnh Long, vì Vĩnh Long là quê hương đã gắn bó với tôi từ những sông rạch quen thuộc, đến những con đường nắng bụi mưa lầy. Dù sông Long Hồ không đẹp và nổi tiếng như dòng Danube bên trời Âu hay dòng Potomac bên Mỹ, nhưng sao với tôi không có một con sông nào khác có thể thay thế nó được. Có lẽ trong tâm tư tình cảm sâu thẳm nhất của một con người thì tôi vẫn là một đứa con trai nhà quê của xứ Vĩnh, sinh ra và lớn lên bên những thôn xóm đơn sơ mộc mạc, bên những cánh đồng quện mùi bùn pha lẫn mùi lúa chín mới gặt. Dù xa quê vạn dặm, quãng đời thơ ấu nơi đất Vĩnh lúc nào cũng đậm nét trong tôi.

Xin nhắc lại, dầu cái thời ấy chỉ tồn tại có 21 năm nhưng những dấu ấn mà nó để lại trong tâm tưởng người dân Việt, nhất là những người miền Nam, sẽ là vĩnh viễn không phai. Dầu người ta muốn xóa bỏ hết mọi vết tích huy hoàng, hết sức huy hoàng của ngày xưa ấy, nhưng họ đã làm. Ngày trước ấy, từ thế kỷ thứ nhất cho mãi đến thế kỷ thứ mười, dân tộc ta đã bắt dân mình lên rừng xuống biển, bắt làm nô lệ và đầy đọa còn hơn kiếp trâu cày ngựa cỡi, nhưng rồi cuối cùng dân mình cũng lấy lại những gì mình đã mất. Vì vua quan thì nhất thời còn dân thì vạn đại mà! Minh chắc chắn một ngày không xa nào đó, cái gì của Cesar phải trả lại cho Cesar. Ngày xưa đó, Ngô Quyền

đã đánh tan quân đội của dân tộc lạ và giành lại những di sản vô cùng quý báu cho dân mình. Dấu nhà Ngô không tồn tại lâu, nhưng dấu ấn mà nhà Ngô đã để lại cho dân mình là vĩnh viễn, không một ai, mãi mãi không một ai có thể xoá bỏ dấu ấn lịch sử ấy ra khỏi tâm hồn của người Việt Nam. Thành tích sáng chói nhất của nhà Ngô là xây dựng một nền tự chủ cho dân mình. Cách đây hơn 2 thế kỷ, triều đại Tây Sơn (1778-1802), nghĩa là chỉ dài 24 năm nếu tính từ Thái Đức Nguyễn Nhạc, Quang Trung Nguyễn Huệ và Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản. Nhưng nếu tính riêng vua Quang Trung Nguyễn Huệ với hơn 20 năm đánh Nam dẹp Bắc, gom đất nước về một mối và 3 năm trị vì, vua Quang Trung và triều đại của Ngài đã cống hiến cho đất nước này một di sản đồ sộ từ văn hoá, chính trị, kinh tế, ngoại giao đến việc cải thiện nếp sống xã hội và con người. Dưới thời Quang Trung, ngay cả nước Trung Hoa còn phải nể vì, huống là những nước nhỏ quanh vùng. Rồi trải qua bao cuộc bể dâu, đất nước này cũng trải qua nhiều thăng trầm, nhiều lần bị chia cắt. Có thời Chúa Trịnh tiếm quyền Vua Lê, tạo nên cảnh can qua cho đất nước suốt một trăm năm mươi năm (1627-1777), các Chúa nhà Trịnh cũng được ghi vào sử sách như những vết nhơ, vì có hay ho gì đâu những kẻ CUỐP CHÁNH QUYỀN một cách không cần thiết khiến cho đất nước phải chịu cảnh tụt hậu? Như trong thời cận đại, Việt Nam được hoàn toàn độc lập sau khi quân Nhật thất trận hồi đệ nhị thế chiến 1945, chính phủ non trẻ do Thủ Tướng Trần Trọng Kim lãnh đạo của một nước Việt Nam mới đã bị một nhóm người không nghĩ gì đến quyền lợi đất nước cướp chính quyền cho đảng phái của mình, rồi sau đó, đến năm 1946, đảng trưởng của họ lại cũng vì quyền lợi của đảng mình mà đi xuống tàu Fountainebleau của Pháp ký kết thoả thuận cho người Pháp đổ bộ vào Việt Nam. Đây đúng là hành động vì đảng phái mà bán rẻ đất nước, rất đáng bị lịch sử sau này nguyên rủa. Và hệ quả của việc làm này là sau đó Việt Nam bị chia đôi vào năm 1954, Miền Bắc theo Cộng Sản, miền Nam theo phương cách phát triển tự do và hết lòng phát triển đất nước. Trong suốt thời gian từ năm 1954 đến 1975, hai nền Cộng Hoà của Miền Nam Việt Nam chưa từng phải làm cái việc XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG, vì với nền kinh tế công nghiệp và kỹ nghệ phát triển, Việt Nam Cộng Hoà còn phải mướn thêm nhân công nước ngoài đến Việt Nam làm việc thì làm gì có dư người lao động để đưa đi xuất khẩu... Còn dưới chế độ Xã Nghĩa, kể từ năm 1980 đến nay, mỗi năm trung bình khoảng 150 ngàn người được đưa ra nước ngoài lao động, riêng năm 2023, chỉ 11 tháng đầu của năm

2023 mà tổng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đã lên tới con số 146.156 lao động. Không biết Việt Nam Xã Nghĩa đang phát triển kiểu gì. Nếu hiện tại Việt Nam Xã Nghĩa thực sự phát triển mà mỗi năm còn đưa một số người gần 200 ngàn như thế này ra nước ngoài thì lấy ai làm việc trong nước? Chỉ cần suy nghĩ một chút là có câu trả lời ngay thôi. Một hình ảnh từ 2003, nghĩa là đã trên 20 năm, nhưng cho tới bây giờ mỗi lần nghĩ tới, tôi vẫn còn cảm thấy ớn lạnh cả người. Năm đó tôi đi du lịch qua Nam Hàn vào khoảng tháng 2 năm 2003, tôi đi tới khu ngoại ô của vùng Incheon (cách Seoul khoảng 70 cây số về hướng Tây Nam) trời tháng 2 ở Nam Hàn lạnh công người, thế mà có một nhóm người đang trâm mình dưới hồ sen để lấy củ sen. Tôi tới gần hỏi thăm mới biết những thanh niên trẻ này đến từ Việt Nam, đi xuất khẩu lao động. Nhìn thấy hình ảnh họ nói chuyện mà người thì run lên bần bật thật quá cảm thương. Ngay sau đó, lòng tôi cảm thấy buồn buồn khó tả, không còn tâm trí đâu nữa để tiếp tục đi du lịch, tôi bèn trở về khách sạn liên lạc với hãng máy bay để trở về Mỹ sớm hơn dự định. Thời trước, miền Nam cũng có nền đệ nhất và đệ nhị Cộng Hoà, nhưng rồi không may, hai nền Cộng Hoà non trẻ đã yếu mệnh, nhưng những cống hiến cho đất nước này với một di sản đồ sộ từ văn hoá, chính trị, kinh tế, ngoại giao đến việc cải thiện nếp sống xã hội và con người có nhân văn nhân bản, nhất là về âm nhạc với những bản nhạc mà cho tới bây giờ cả nước đều vang tiếng hát... những âm hưởng và những gì tốt đẹp nhất của nó sẽ sống mãi và sống mãi trong lòng người dân Việt, nhất là người dân miền Nam. Như tất cả chúng ta đều biết, 2 nền Cộng Hoà non trẻ đã không còn, nhưng sau nửa thế kỷ, nếu chúng ta đi từ Bắc vô Nam, chúng ta sẽ thấy sẽ nghe đi đâu đến đâu dân chúng 3 miền đều vang vang hát những bài nhạc vàng của 2 nền Cộng Hoà ấy... Bây giờ sau nửa thế kỷ, những kẻ đã từng đánh phá 2 nền Cộng Hoà ngày ấy đang cố gắng chấp chững và khập khểnh bước đi những bước mà 2 nền Cộng Hoà ấy đã từng bước rất mạnh dạn và thành công từ những năm 1954 đến 1960: đó là nền kinh tế thị trường tự do. Họ thấy rõ hơn ai hết là những bước đi của họ chẳng những chấp chững và khập khểnh mà còn bệnh hoạn nữa vì cái thứ định hướng chết tiệt mà họ đang tung hô, nhưng vì tự ái nên họ thà để cho cả dân tộc bước đi chấp chững, khập khểnh và bệnh hoạn như họ... Riêng về giáo dục và y tế, họ vẫn biết giáo dục và y tế quốc dân, nghĩa là giáo dục và y tế miễn phí cho toàn thể người dân trong nước mà 2 nền Cộng Hoà ngày trước đã từng áp dụng từ năm 1954 đến năm 1975 mà lợi ích của nó là không

thể nghĩ bàn, vì nó là phúc lợi cho toàn dân khi con em đi học không tốn tiền, bệnh hoạn cũng không tốn tiền trị bệnh thì không sớm cũng muộn dân trí sẽ được nâng cao, dân cũng sẽ giàu có và an cư lạc nghiệp, nhưng đó không phải là chủ trương của họ, chủ trương của họ là chỉ muốn cho người dân biết đọc biết viết để tuân thủ những luật lệ mà họ đặt ra để dễ bề cai trị. Dân trí mà cao, dân chúng mà giàu thì làm sao họ trụ được? Nên trong cái thứ gọi là Xã Nghĩa, dân chúng đừng có mơ đến chuyện giáo dục và y tế miễn phí cho toàn thể người dân trong nước. Phải chăng họ muốn mãi mãi đè đầu cỡi cổ dân mình? Nếu họ nghĩ vậy thì họ đã làm. Nên nhớ rằng trên đời này không có thứ gì thoát khỏi luật đào thải. Rồi đây, theo luật tự nhiên của đất trời của vũ trụ, gió vô thường vẫn thổi, mưa vô thường vẫn rơi... Sau cơn mưa nào trời cũng lại sáng, không có ngoại lệ!!!

I

NỀN GIÁO DỤC HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ & ĐẦY TÍNH NHÂN BẢN-KHAI PHÓNG-DÂN TỘC

Dầu thời gian từ 1954 đến 1975 là một khoảng thời gian ngắn, rất ngắn, so với chiều dài lịch sử gần năm ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, nhưng những dấu ấn mà Chánh quyền non trẻ của miền Nam Việt Nam trong khoảng thời gian chỉ hai thập niên này để lại phải nói là mãi mãi đáng nhớ và đáng được suy gẫm. Đặc biệt là dấu ấn về một nền giáo dục Khai Phóng-Nhân Bản-Dân Tộc sẽ mãi sáng chói trong lịch sử giáo dục của dân tộc. Thời đó, nền giáo dục được giao phó cho những nhà khoa bảng và trí thức chân Chánh, lúc nào cũng hết lòng vì dân vì nước. Lúc mới thu hồi độc lập, triết lý giáo dục VNCH nằm trong những Nguyên Tắc Căn Bản do Bộ Giáo Dục ấn hành năm 1959 và sau đó được ghi lại rõ ràng trong hiến pháp 1967. Những nguyên tắc căn bản này được tóm lược như sau: Thứ nhất, giáo dục Việt Nam Cộng Hoà là nền giáo dục Nhân Bản (humanistic education). Nhân là người hay con người, bản là gốc là căn bản. Trong lãnh vực triết lý, thuyết nhân bản chủ trương con người có địa vị quan trọng trong đời sống trên thế gian này. Thuyết nhân bản lấy con người làm gốc, lấy cuộc sống của con người trong cuộc đời này làm căn bản chứ không nhắm đến linh hồn hay một cuộc đời nào khác ngoài thế giới mà loài người hiện đang sống trong đó. Theo thuyết này, con người có giá trị đặc biệt của con người, cao cả hơn tất cả các giống sinh vật khác trên đời này. Chỉ có con người mới có văn hóa, có những hoạt động có suy tư, có sáng tạo, làm cho cuộc sống của con người tiến hóa luôn từ xưa đến giờ. Nhân bản cũng chỉ tính cách linh thiêng của con người, khác hơn mọi loài vật, “nhân linh ư vạn vật”, và con người phải được tôn trọng bởi tính linh thiêng đó. Con người tự nó là một cứu cánh chứ không phải là một phương tiện. Triết lý nhân bản chấp nhận có sự khác biệt giữa các cá nhân nhưng không chấp nhận dùng sự khác biệt đó để đánh giá con người, và không chấp nhận sự kỳ thị hay phân biệt giàu nghèo, địa phương, tôn giáo, chủng tộc... Với triết lý nhân bản, con người có giá trị của con người như nhau, và mọi người đều có quyền được hưởng những cơ hội đồng đều về giáo dục. Thứ hai, giáo dục Việt Nam Cộng Hoà là nền giáo dục Dân Tộc (nationalistic education). Giáo dục dân tộc tôn trọng giá trị truyền thống của dân tộc trong mọi sinh hoạt liên hệ tới gia đình, nghề nghiệp, và quốc gia. Giáo dục phải bảo tồn và phát huy được những tinh anh hay những truyền thống tốt đẹp

của văn hóa dân tộc. Dân tộc Việt Nam có mặt trên thế giới này từ bao nhiêu ngàn năm trước. Dân tộc đó có tiếng nói riêng, có lịch sử riêng, có một nền văn hóa riêng của nó từ bao đời. Dân tộc tính đó trong văn hóa cần phải được các thế hệ biết đến, bảo tồn và phát huy, để không bị tan biến hay tiêu trầm trong những nền văn hóa khác. Thứ ba, giáo dục Việt Nam Cộng Hoà là nền giáo dục Khai Phóng. Tinh thần dân tộc không nhất thiết phải bảo thủ, không nhất thiết phải đóng kín cửa. Ngược lại, giáo dục phải mở rộng, tiếp nhận những kiến thức khoa học kỹ thuật tân tiến trên thế giới, tiếp nhận tinh thần dân chủ, phát triển xã hội, giá trị văn hóa nhân loại để góp phần vào việc hiện đại hóa quốc gia xã hội, làm cho xã hội tiến bộ tiếp cận với văn minh thế giới.

Phải nói, những thế hệ từ những thập niên 1950s, 1960s và nửa thập niên 1970s của chúng tôi hết sức may mắn được hấp thụ một nền giáo dục mà các quốc gia muốn phát triển đều phải đi theo vì từ những nguyên tắc căn bản của nền giáo dục đó nó bao gồm những tư tưởng nền tảng liên hệ tới những mục tiêu chính của giáo dục: Phát triển toàn diện mỗi cá nhân. Trong tinh thần tôn trọng nhân cách và giá trị của cá nhân học sinh, giáo dục hướng vào việc phát triển toàn diện mỗi cá nhân theo bản tính tự nhiên của mỗi người và theo những định luật phát triển tự nhiên về vật lý và tâm lý. Nhân cách và khả năng riêng của mỗi cá nhân học sinh phải được lưu ý đúng mức. Cung ứng cho học sinh đầy đủ tin tức, dữ kiện, để học sinh phán đoán, lựa chọn, không che dấu tin tức hay chỉ cung cấp những tin tức chọn lọc thiếu trung thực để định hướng, để nhồi sọ học sinh theo một chủ trương, một hướng đi định sẵn nào đó, nghĩa là không chính trị hoá giáo dục theo một chủ nghĩa nào hết. Phát triển tinh thần quốc gia ở mỗi học sinh bằng cách: giúp học sinh hiểu biết hoàn cảnh xã hội, môi trường sinh sống, và lối sống của người dân; giúp học sinh hiểu biết lịch sử nước nhà, yêu thương xứ sở mình, ca ngợi tinh thần đoàn kết, tranh đấu của người dân trong việc chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc, yêu thương giúp đỡ nhau trong tình đồng bào; giúp học sinh học tiếng Việt và sử dụng tiếng Việt một cách có hiệu quả; giúp học sinh nhận biết cái đẹp của quê hương xứ sở, những tài nguyên phong phú của quốc gia, những phẩm hạnh truyền thống của dân tộc; giúp học sinh bảo tồn những truyền thống tốt đẹp, những phong tục giá trị của quốc gia; giúp học sinh có tinh thần tự tin, tự lực, và tự lập. Phát triển tinh thần tự do, dân chủ, nhân quyền và tinh thần khoa học bằng cách: giúp học sinh tổ chức những nhóm tự trị với sự phát triển tinh thần cộng đồng và ý thức tập thể; giúp phát triển sự phán đoán với tinh thần trách nhiệm và kỷ luật; giúp phát triển tính tò mò và tinh thần khoa học; giúp đón nhận những giá trị văn hóa rộng rãi. Chính nhờ nền giáo dục đó, mà chỉ trong một

khoảng thời gian ngắn, miền Nam Việt Nam đã sản sinh ra không biết bao nhiêu nhân tài về mọi mặt. Lúc đó ai cũng ước sao cho Việt Nam được ổn định về chính trị để trong một tương lai không xa, Việt Nam mình sẽ có đủ nhân tài xây dựng đất nước sau gần một thế kỷ Pháp Thuộc.



Hình 1: Tiền thân của trường Nam Tiểu Học Vĩnh Long (Groupe Scolaire Garcon), ảnh Công Báo Nam Kỳ 1920 (Bulletin Administratif de Cochinchine 1920).



Hình 2: Trường Cao Tiểu Internat Primaire Vinhlong, ảnh Công Báo Nam Kỳ 1920 (Bulletin Administratif de Cochinchine 1920).



Hình 3: Trường Trung Học Nguyễn Thông Vĩnh Long 1956, ảnh tư liệu của Hội Ái Hữu CHS TPH Nam California.



Hình 4: Trường Trung Học Tổng Phước Hiệp Vĩnh Long 1968, ảnh tư liệu của Hội Ái Hữu CHS TPH Nam California.



Hình 10: Ảnh của một nhóm bạn lớp đệ nhị B3 Tổng Phước Hiệp chụp năm 1968.

Một dấu ấn khác rất đáng nhớ về nền giáo dục VNCH (1954-1975) cũng sẽ mãi sáng chói trong lịch sử giáo dục của dân tộc, đó là dầu đất nước đang bị chiến tranh tàn phá, những nhà lãnh đạo Miền Nam luôn bằng mọi cách đặc biệt chăm lo cho giáo dục, bằng mọi cách làm cho tất cả thanh thiếu niên Miền Nam ai cũng có cơ hội cấp sách đến trường mà không phải chi trả một đồng một cắc nào, ai cũng được chăm sóc sức khỏe mà cũng không phải chi trả một đồng một cắc nào, và hãy còn rất nhiều thứ mà nền giáo dục này đã giúp mang lại cho dân cho nước. Thật vậy, chính nền giáo dục quốc dân ấy sẽ giúp mỗi cá nhân phát triển toàn diện để trở thành những người có kỹ năng thực tiễn, có khả năng tư duy, để làm việc, sinh sống, có đạo đức, có tình người, để gây dựng hạnh phúc gia đình và hội nhập vào xã hội góp phần vào việc bảo vệ và phát triển quốc gia. Người được đi học sẽ trở thành người tốt và có ích cho chính mình, cho gia đình, và cho quốc gia dân tộc.

Cái thời mà những người đi tiên phong trong nền giáo dục non trẻ của Việt Nam Cộng Hoà, chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn, chỉ trong khoảng thời gian 5 năm sau ngày đất nước độc lập, dầu bị chia đôi, nhưng miền Nam đã hết sức cố gắng biến nền giáo dục Việt Nam thời đó thành một nền giáo dục hết sức đặc biệt, không phân biệt giàu nghèo, không phân biệt giai cấp xã hội, không phân biệt tôn giáo, địa phương, chủng tộc. Nói cách khác, giáo dục Việt Nam cố tạo những cơ hội đồng đều cho mọi người được đi học; tuy nhiên không phải ai cũng có thể học được đến hết bậc đại học, hay ai cũng học đến bác sĩ, kỹ sư hoặc các ngành cao đẳng chuyên nghiệp khác. Tùy theo hoàn cảnh, tùy theo khả năng và sở thích, có người chỉ học được hết Tiểu Học, có người học hết Trung Học Đệ Nhất Cấp, hay Trung Học Đệ Nhị Cấp, có những người khác thì học đến hết bậc đại học. Nhưng dù bất cứ học đến bậc học nào, mục đích của giáo dục vẫn phải là giúp tất cả mọi người trở thành người tốt, người đã được phát triển về khả năng cũng như đạo đức, dù khả năng đó ở mức độ nào. Nếu có những người chỉ có cơ hội học hết Tiểu Học thôi, thì giáo dục vẫn có bổn phận giúp họ phát triển đến hết mức đó, và vẫn làm thế nào giúp họ trở thành người tốt với mức học Tiểu Học của họ.

Thiết nghĩ, chừng ấy thứ mà tôi vừa kể ra, cũng đủ lắm cho sự hiểu biết của chúng ta về tâm huyết của những người lãnh đạo miền Nam, nhất là những người lãnh đạo về giáo dục và y tế. Chính nhờ nền giáo dục đó mà chỉ khoảng 15 năm sau ngày độc lập, VNCH đã trở thành một trong những quốc gia phát triển vào bậc nhất ở Châu Á, chỉ sau có Nhật Bản. Cuối thập niên 1960s thì các quốc gia muốn tìm cách phát triển như Singapore và Nam Hàn đều nhìn Việt Nam Cộng Hoà như một khuôn mẫu trong khu vực. Chính vì vậy mà cuối thập niên 1960s, thủ tướng Singapore, trong một lần thăm viếng Sài Gòn đã phải thốt lên: “Ước gì Singapore bằng được một nửa của Sài Gòn cũng là Phước Đức lắm rồi cho dân tộc Singapore.”

Phải thực tình mà nói, đây đúng là một thời đáng nhớ, rất đáng nhớ vì chỉ riêng gia đình tôi, một trong những gia đình nghèo nhất tại Xóm Kho Dầu Cũ Vĩnh Long, nếu không có cái THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ ẤY, thì rất có thể một là tất cả anh chị em chúng tôi đều dốt hết vì nhà nghèo đông anh chị em, cha mẹ tàn tảo quần quật suốt ngày còn không đủ tiền nuôi ăn chúng tôi thì lấy tiền đâu để đóng tiền học? Hai là anh em chúng tôi đều đã chết hết vì như đã nói, không đủ tiền ăn, lấy tiền đâu để đóng cái thứ chết tiệt có tên là VIỆN PHÍ? Vào thời đó, tất cả những người có trách nhiệm đều đặt mình

dưới quyền lợi của đồng bào và đất nước. Về mặt giáo dục, từ trên xuống dưới, ai cũng đều đưa ra những phương án giáo dục rất tốt cho thanh thiếu niên, cũng như luôn củng cố việc miễn phí giáo dục từ các bậc tiểu học đến hết trung học. Đồng thời, lúc nào cũng đưa ra những phương án trợ giúp tài chính cho sinh viên đại học (giống như kiểu Student Grants tại các trường đại học Âu Mỹ cho sinh viên Việt Nam Cộng Hoà) và đã được Bộ Quốc Gia Giáo Dục & Thanh Niên VNCH thông qua, nhưng rất tiếc là cuối tháng 4 năm 1975 thì chế độ dân chủ non trẻ của miền Nam bị bức tử. Nhưng thôi, chuyện này để cho lịch sử sau này phê phán. Thời gian từ năm 1975 đến nay cũng đã ngót nửa thế kỷ, trải qua năm mươi năm đầu bể với quá nhiều thay đổi cũng đủ thời gian cho chúng ta nhìn lại xem coi đất nước chúng ta đã tiến tới đâu so với năm mươi năm về trước. Tôi không muốn so sánh hai nền giáo dục, nhưng cũng phải nói người ta đã nhân danh làm cách mạng, cách mạng là đổi mới và làm cho tốt hơn, chính vì vậy mà người ta đã quyết bức tử chế độ VNCH với nền giáo dục Dân Tộc, Nhân Bản và Khai Phóng (học trò từ tiểu học đến hết bậc trung học không phải tốn bất cứ thứ chi phí nào trong suốt 12 năm học này) và nền Y Tế Quốc Dân, nghĩa là người dân không phải trả một đồng một cắc nào nếu trị bệnh tại các nhà thương công... Nhưng theo những gì tôi thấy, hình như bây giờ mọi thứ từ giáo dục đến y tế đều hoàn toàn trái ngược với nền giáo dục và y tế Miền Nam Việt Nam trước năm 1975, nghĩa là mọi thứ đều phải trả bằng tiền. Tại sao người ta lại đưa cả dân tộc đến trạng huống này?

Hãy nhìn lại hiện trạng Việt Nam để thấy cho thật rõ: bây giờ chẳng những học trò đại học không được trợ giúp, mà ngay cả những học trò từ mẫu giáo đến tiểu học và trung học cha mẹ phải còng lưng ra đóng đủ thứ tiền... nên vui hay nên buồn đây hở quý vị? Nói gì thì nói, những phương án giáo dục và y tế luôn vì dân và vì nước của các nhà giáo dục yêu nước sẽ luôn được dân tộc Việt Nam và đất nước Việt Nam trân quý và nhất quyết sẽ hồi sinh nó trong một tương lai gần, rất gần thôi. Hôm nay ngồi đây viết về Một Thời Đáng Nhớ, Rất Đáng Nhớ, tôi chạnh lòng nhớ lại những người thầy, những người cô kính yêu đã quá cố, những thầy cô lúc nào cũng hết lòng vì tương lai giáo dục của những thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam về sau này. Mong hồn thiêng sông núi tiếp tục hộ trì dân tộc Việt Nam sớm thoát khỏi những nhớp nhơ của trần thế và có được một nền giáo dục Dân Tộc-Nhân Bản-Khai Phóng và một nền Y tế Quốc Dân như tâm huyết của các Ngài. Mong lắm thay!!!



Hình 1: Trường Sư Phạm Vĩnh Long trước năm 1975, ảnh internet (Google).



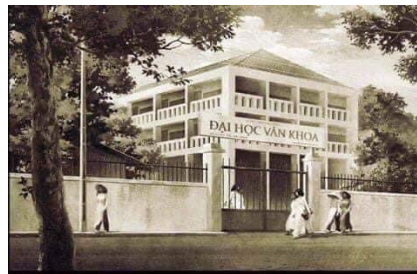
Hình 2: Trường Kỹ Thuật Vĩnh Long trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Hình 3: Các học sinh chụp hình trước cổng trường Pétrus Ký trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Hình 4: Trường Nữ Trung Học Trưng Vương Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Hình 5: Trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Hình 6: Trường Sư Phạm Sài Gòn trước năm 1975. (Hình: suphamsaigon).



Hình 7: Văn phòng Viện Đại học Sài Gòn tại Công trường Chiến Sĩ, ảnh Internet Google).

** Tường cũng nên nhắc lại, Giáo dục Việt Nam Cộng Hòa là nền giáo dục Việt Nam dưới chính thể Việt Nam Cộng Hòa. Triết lý giáo dục của Việt Nam Cộng hòa là Nhân bản, Dân tộc, và Khai phóng. Hiến pháp Việt Nam Cộng Hòa nhấn mạnh quyền tự do giáo dục, và cho rằng “nền giáo dục cơ bản có tính cách cưỡng bách và miễn phí”, “nền giáo dục đại học được tự trị”, và “những người có khả năng mà không có phương tiện sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học vấn”. Năm học 1973-1974, Việt Nam Cộng Hòa có một phần năm (20%) dân số là học sinh và sinh viên đang đi học trong các cơ sở giáo dục. Con số này bao gồm 3.101.560 học sinh tiểu học, 1.091.779 học sinh Trung học, và 101.454 sinh viên Đại học; số người biết đọc biết viết ước tính khoảng 70% dân số. Đến năm 1975, tổng số sinh viên trong các viện đại học ở miền Nam là khoảng 150.000 người (không tính các sinh viên theo học ở Học viện Hành Chính Quốc Gia và ở các trường đại học cộng đồng). Mặc dù tồn tại chỉ trong 20 năm (từ 1955 đến 1975), bị ảnh hưởng nặng nề bởi chiến tranh và những bất ổn chính trị thường xảy ra, phần thì ngân sách eo hẹp do phần lớn ngân sách quốc gia phải dành cho quốc phòng và nội vụ (trên 40% ngân sách quốc gia dành cho quốc phòng, khoảng 13% cho nội vụ, chỉ khoảng 7-7,5% cho giáo dục), nền Giáo dục Việt Nam Cộng Hòa đã phát triển vượt bậc, đáp ứng được nhu cầu gia tăng nhanh chóng của người dân, đào tạo được một lớp người có học vấn và có khả năng chuyên môn đóng góp vào việc xây dựng quốc gia và tạo được sự nghiệp vững chắc ngay cả ở các quốc gia phát triển. Năm 1958, dưới thời Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Trần Hưng Thế, Việt Nam Cộng Hòa nhóm họp Đại hội Giáo dục Quốc gia (lần I) tại Sài Gòn. Đại hội này quy tụ nhiều phụ huynh học sinh, thân hào nhân sĩ, học giả, đại diện của quân đội, chính quyền và các tổ chức quần chúng, đại diện ngành văn hóa và giáo dục các cấp từ tiểu học đến đại học, từ phổ thông đến kỹ thuật... Ba nguyên tắc “nhân bản” (humanistic), “dân tộc” (nationalistic), và “khai phóng (liberalic)” được chính thức hóa ở hội nghị này. Đây là những nguyên tắc làm nền tảng cho triết lý giáo dục của Việt Nam Cộng Hòa, được ghi cụ thể trong tài liệu Những nguyên tắc căn bản do Bộ Quốc gia Giáo dục ấn hành năm 1959 và sau đó trong Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa (1967), ảnh internet (Google).



Hình 8: Trường Quốc-Gia Nông-Lâm-Mục B’Lao, ảnh internet (Google).



Hình 9: Lễ kỷ niệm 100 năm thành lập của trường Lasan Taberd 17 tháng 2 năm 1974, ảnh internet (Google).



Hình 10: Sân trường Bắc Ái (Collège Fraternité). Trường Bắc ái (Collège Fraternité) ở Chợ Quán với đa số học sinh là người Việt gốc Hoa cũng là một tư thực có tiếng do các thương hội người Hoa bảo trợ. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất có hệ thống các trường tiểu học và trung học Bồ Đề ở nhiều tỉnh thành, tính đến năm 1970 trên toàn quốc có 137 trường Bồ đề, trong đó có 65 trường trung học với tổng số học sinh là 58.466, ảnh internet (Google).



Hình 11: Xem nội dung nơi hình 10.

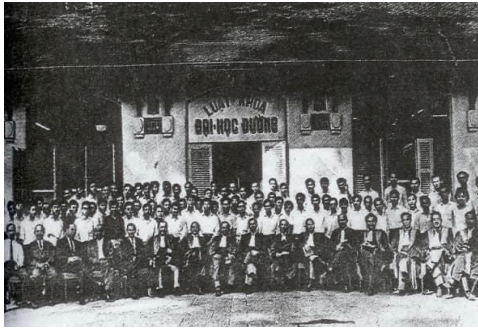


Mái trường Viện Đại học Vạn Hạnh ngày xưa

Hình 12: Viện Đại Học Vạn hạnh. Lễ phát bằng Cử Nhân của Viện Đại Học Vạn Hạnh, 1973. Viện Đại Học Vạn Hạnh: Thuộc khối Ấn Quang của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất; thành lập ngày 17 tháng 10 năm 1964 ở số 222 đường Trương Minh Giảng (sau 1975 là đường Lê Văn Sỹ), Quận 3, Sài Gòn-Gia Định với 5 phân khoa đại học: Giáo dục, Phật Học, Khoa Học Xã hội, Khoa học ứng dụng, và Văn học & Khoa học nhân văn. Vào đầu thập niên 1970, Vạn Hạnh có hơn 3.000 sinh viên, ảnh internet (Google).



Hình 13: Trong khuôn viên Học viện Quốc gia Hành chánh, ảnh internet.



Hình 14: Đại học Luật khoa Sài Gòn, ảnh internet (Google).



Hình 15: Đại học Luật khoa Sài Gòn, ảnh internet (Google).



Hình 16: Viện Pasteur Nha Trang, ảnh internet (Google).



Hình 17: Trường Kỹ Sư Công Nghệ, Trường Hàng Hải thuộc Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật, ảnh internet (Google).



Hình 18: Trường Cao đẳng Điện học, ảnh internet (Google).



Hình 19: Các giáo sư Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ đồng tấu: Trần Thanh Tâm (đờn kìm), Phan Văn Nghị (đờn cò), Trương Văn Đệ (đờn tam), Vũ Văn Hòa (sáo) và Nguyễn Vĩnh Bảo (đờn tranh), ảnh internet (Google).



Hình 20: Buổi học hình họa tại lớp dự bị của trường Quốc gia Mỹ thuật Sài Gòn đầu thập niên 60, ảnh internet (Google).



Hình 21: Viện Đại Học Đà Lạt trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Hình 22: Trường ĐH Sư Phạm thuộc Viện ĐH Huế trước năm 1975, ảnh internet (Google).

II

MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ VỚI NỀN Y TẾ QUỐC DÂN HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ CHO MỌI CÔNG DÂN TRONG NƯỚC VNCH

Phải thật tình mà nói, Một Thời Đáng Nhớ, Rất Đáng Nhớ, dầu nó chỉ tồn tại từ năm 1954 đến năm 1975, một khoảng thời gian rất ngắn so với lịch sử dựng nước và giữ nước gần năm ngàn năm của dân tộc Việt Nam, nhưng đó lại là Một Thời Rất Đáng Nhớ, một điểm son trong lịch sử dân tộc về nhiều mặt. Dầu thời đó chỉ kéo dài có 24 năm, đó lại là cái thời mà bạn bè xung quanh như Tân Gia Ba (Singapore), Phi Luật Tân (Philippines), Thái Lan (Thailand), Nam Dương (Indonesia), Miến (Miến Điện, ngày nay người ta gọi là Myanmar), Lào, Cao Miên... đều nhìn VNCH của Miền Nam Việt Nam như thần tượng, đều muốn cho con cháu của họ qua học hỏi mình. Chẳng những học sinh trên cả nước đi học không tốn tiền, mà ai học giỏi còn được chính phủ cho tiền (học bổng). Hơn thế nữa, mỗi ngày đi học đều được nhà trường cho ăn bánh mì chấm sữa và uống sữa nóng. Đây là chính sách khuyến học của chính phủ thời đó muốn cho tất cả trẻ con có được cơ hội khả dĩ để thu nhận kiến thức và tri thức. Riêng về y tế, khi bệnh đi bệnh viện không tốn tiền. Đối với các bạn trẻ bây giờ thì đây là chuyện khó tin, nhưng đây hoàn toàn là sự thật. Tất cả các bệnh viện do Chánh quyền VNCH quản lý đều miễn phí tiền khám chữa bệnh và ăn uống trong thời gian trị bệnh cho người dân. Dầu đất nước đang bị chiến tranh tàn phá, nhưng những nhà lãnh đạo luôn đặt trọng tâm chăm sóc sức khỏe cho người dân lên hàng đầu. Đó là cái thời mà không một ai trong cả xứ phải lo lắng về vấn đề bệnh hoạn, vì hễ bệnh, dầu nhẹ hay dầu nặng, đều có nhà thương thí lo đủ thứ, từ trị bệnh, thuốc men, ăn ở... Nếu bệnh nhẹ thì bác sỹ khám bệnh, phát thuốc rồi chỉ dẫn cho cách về nhà uống thuốc. Nếu bệnh nặng thì nhà thương sẽ yêu cầu bệnh nhân ở lại trị bệnh, không cần biết phải mất bao lâu thời gian mới trị hết bệnh. Chưa hết bệnh là bệnh viện không cho về. Những nhà thương thí này là nhà thương công của chính phủ, tỉnh nào cũng có, và điểm đặc biệt nhất, một điều hết sức nhân bản là dầu không hô hào lương y gì cả mà toàn thể bác sỹ, y tá và nhân viên nhà thương ai ai cũng hết sức thân thiện và gần gũi với bệnh nhân cho dù người giàu hay người nghèo. Tất cả

mọi chi phí nhà thương đều do chính phủ đài thọ, người bệnh không phải trả một đồng một cắc nào mà chỉ việc yên tâm trị bệnh. Nhớ lại thời đó, vì nhà nghèo nên ba mẹ tôi bận mua gánh bán bưng suốt ngày, chị Hai tôi thì phải làm việc nhà chuẩn bị những gánh hàng cho mẹ. Vì thế mỗi lần em út bị bệnh thì tôi là người bông mảy em đi nhà thương khám bệnh, vì thế cho nên mãi tới bây giờ, hơn 60 năm sau, hình ảnh hiền từ và nhân hậu của các vị bác sỹ, y tá và nhân viên nhà thương vẫn còn in đậm trong tôi, đúng là Một Thời Đáng Nhớ, Rất Đáng Nhớ!!!

MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ VÌ NHIỀU THỨ LẮM LẮM!!!

Bên cạnh hai điểm son trên, cái thời ngắn ngủi chỉ 21 năm ấy còn có nhiều điều khiến cho ai trong chúng ta đã từng sống trong giai đoạn đó đều cảm thấy rất đáng nhớ như bất kể là trẻ con hay người lớn khi đi ngoài đường nếu gặp phải đám tang đều đứng lại, bỏ nón ra và cúi đầu đưa tiễn người quá cố. Bất kỳ ai đang đi trên đường phố, nếu nghe tiếng Quốc ca vang lên đều đứng nghiêm trang chào cờ với lòng tự hào dân tộc. Đâu có ai dạy họ phải làm vậy, nhưng đây chính là kết quả của nền giáo dục Nhân Bản-Khai Phóng-Dân Tộc của một đất nước tiến bộ. Như trên đã nói, học sinh đến trường, ngoài việc không phải đóng học phí và y tế học đường, còn được cho uống sữa và ăn bánh mì miễn phí bằng ngân sách quốc gia trong chương trình sức khỏe thanh thiếu niên, vì những nhà lãnh đạo VNCH luôn tin tưởng rằng học sinh chính là rường cột của đất nước về sau này. Dầu nền dân chủ còn non trẻ, nhưng tất cả mọi công dân trong nước đều được quyền bầu chọn người đứng đầu đất nước thông qua bầu cử Tổng Thống một cách dân chủ, công khai và công bằng. Nếu người dân không hài lòng về chánh sách quản lý đất nước của Chánh phủ, họ có quyền xuống đường biểu tình thể hiện chính kiến. Họ có thể đến đứng trước Dinh Tổng Thống chửi rủa hay đốt hình ông ta mà không gặp bất kỳ sự đàn áp hay bắt bớ gì của Chánh quyền. Dầu đất nước đang trong lúc chiến tranh với miền Bắc, nhưng lòng người trong xã hội giáo dục của miền Nam giữ đúng nhân cách của một con người, chứ không theo kiểu nửa người nửa ngợm nửa đười ươi. Khi ra đường, họ có thể đeo bao nhiêu vàng, hay mang bao nhiêu tiền cũng không sợ bị cướp giật. Đó là cái thời mà đường sá, cầu cống chính

phủ làm ra cho dân đi mà không hề phải nộp bất cứ một thứ tiền mồi lộ nào. Đặc biệt là khi chạy xe trên đường phố, họ cũng không sợ Cảnh sát Công lộ xin tiền hay đòi hối lộ. Trong giai đoạn này, miền Bắc chỉ được một vài nước Cộng Sản công nhận, trong khi miền Nam được hằng trăm quốc gia của Thế Giới Tự Do công nhận, nên khi người Miền Nam cầm Giấy thông hành VNCH là có thể đi khắp thế giới mà không bị coi thường, khinh rẻ. Ngược lại, VNCH hồi nầy rất được các quốc gia tự do quý mến và tôn trọng. Bây giờ nhìn thấy hiện trạng mà người Việt Nam phải gánh chịu càng khiến cho chúng ta chạnh lòng nhớ về nhiều thứ rất tốt đẹp ở Miền Nam trước năm 1975, đúng là Một Thời Đáng Nhớ, Rất Đáng Nhớ!!!

Cái thời mà chiếc xe đạp tôi đi tới nhà thuốc Tây mua thuốc rồi quên băng nó mà đi bộ về nhà, vài bữa sau nhớ lại ra nhà thuốc, chiếc xe đạp vẫn còn nằm y chang chỗ cũ. Nhớ lại cái thời mà người ta ra đường muốn đeo bao nhiêu vàng hay mang theo bao nhiêu tiền cũng không sợ bị cướp giật, vì ai ai cũng âm no sung túc, nên đâu cần phải đi giật hay đi cướp của ai. Hồi đó, sau mỗi vụ gặt lúa, nhà Bác Hai tôi phơi lúa ngoài sân lúa liên tục cả năm bảy ngày cho tới khi nào lúa khô mới đem vô vựa trong bồ lúa chứ ban đêm không cần đem vô nhà, mà chỉ cần lấy những tấm đệm dày lại nhằm tránh sương tránh gió mà thôi, vì ai cũng sung túc nên không ai đi ăn cắp lúa của ai. Cái thời mà nhà không còn gạo nấu cơm, xách nồi qua mượn gạo hàng xóm về nấu, chùng nào có gạo thì đem qua trả lại. Cái thời mà đang ăn cơm nửa chùng hết cơm, bèn xách tô qua xin cơm hàng xóm về ăn tiếp cho no. Cái thời mà nhà thiếu bất cứ thứ gì từ nước tương, nước mắm, muối, đường, tiêu, tỏi, hành, ớt... nếu đang làm đồ ăn nửa chùng mà thiếu, đều có thể chạy qua xin hàng xóm. Cái thời mà người người đều có quyền sở hữu trên mảnh đất mình đang có, chứ không phải là quyền sử dụng, mỗi khi chính quyền muốn thực hiện những tiện ích công cộng đi ngang qua đất mình, chính phủ phải mua lại với giá cả thích đáng, chịu bán hay không ăn thua mình, chứ không do chính phủ. Nhớ lại thời đó, là công dân, ai cũng có quyền mở đài phát thanh hay mở tòa soạn báo tư nhân, có quyền đăng bất cứ thông tin gì và nhà nước không có quyền kiểm duyệt thông tin mà mình phát thanh hay đăng lên. Cái thời mà mọi công dân đều được quyền bầu chọn người đứng đầu đất nước thông qua bầu cử người đứng đầu một nước một cách công khai, tự do và dân chủ. Nếu người dân không hài lòng với cách điều hành quốc gia của chính phủ, người dân có quyền xuống đường biểu tình đòi chính phủ phải thay đổi mà

không gặp bất kỳ sự đàn áp hay bắt bớ gì của chính phủ, đúng là Một Thời Đáng Nhớ, Rất Đáng Nhớ!!!

Ngày đó đồng tiền Việt Nam hơn xa đồng tiền của các nước khác trong vùng như Nhật Bản, Đài Loan, chứ đừng nói chỉ các nước Tân Gia Ba (Singapore), Thái, Indonesia... Tôi còn nhớ năm 1955, một Mỹ kim chỉ ăn 35 đồng Việt Nam. Cùng năm đó 1 đồng Việt Nam=10 đồng quan Pháp (đồng francs). Đến tháng 10 năm 1969, khi tôi đi học tại Mỹ thì một Mỹ kim ăn 118 đồng Việt Nam. Mà hồi đó, mình mang giấy Thông Hành Việt Nam (passport) đi ra nước ngoài, đi đâu đến đâu cũng đều nhận được sự quý mến và tôn trọng. Còn một điều nữa, vào cái thời đó, đồng tiền Việt Nam có thể xài được tại hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tôi nhớ hồi khoảng cuối năm 1969, trước khi lên đường đi du học, phòng Tài Chánh của BTL KQ đem lại phát tiền tháng lương hiện tại nên tôi không có đủ thì giờ gửi về nhà hay ra ngân hàng để đổi lấy Mỹ Kim. Khi máy bay đáp xuống phi trường Honnolulu (Hawaii), khi đó tiền Mỹ kim tôi để trong xách tay, trong túi chỉ có tiền Việt Nam mà tôi mới vừa lãnh trước khi lên đường, tôi móc tiền Việt Nam ra hỏi thử xem họ có nhận hay không, mới biết họ vẫn nhận và thối lại tiền thừa cho tôi bằng Mỹ Kim. Phải thật tình mà nói, nếu không có cái thời đó, thì mười mấy anh em trong gia đình nghèo, rất nghèo như gia đình tôi, chắc đều phải dốt hết. Gia đình anh em con cháu chúng tôi mãi mãi nhớ ơn và biết ơn cái thời vàng son ấy. Bây giờ nghĩ lại thấy buồn buồn trong bụng làm sao ấy! Có sự làm sao mà dùng một cái không còn sót lại một chút hương xưa nào hết vậy hỡi Trời!!! Dầu có đảng phái nào đó với bản chất cùng hung cực ác, có muốn một tay che trời, nhưng chắc chắn họ sẽ và sẽ không bao giờ làm được để mãi được dè dặt cỡi cồ chính dân tộc mình. Rồi đây, theo luật tự nhiên của đất trời của vũ trụ, gió vô thường vẫn thổi, mưa vô thường vẫn rơi... Sau cơn mưa nào trời cũng lại sáng, không có ngoại lệ!!!



Hình 1: Hình ảnh Nhà Thương Thí VNCH trước năm 1975. Nhà thương thí là từ ngữ mà người bình dân VN trước năm 1975 dùng để kêu các nhà thương công. Ở những nhà thương công bệnh nhân đi khám bệnh, điều trị thì miễn phí, không tốn đồng xu nào, ảnh internet.



Hình 2: Nhà Thương Chợ Rẫy Sài Gòn năm 1965. Những người sống ở Sài Gòn trước năm 1975 chắc chắn vẫn chưa quên những cái tên “nhà thương” như nhà thương Chợ Rẫy, Chợ Quán, Đồn Đất, Nguyễn Văn Học, Từ Dũ, Vi Dân... Trên bảng hiệu của những nơi điều trị bệnh này thường dùng từ bệnh viện hoặc bệnh viện, hoặc những cái tên Hán Việt là Bảo Sanh Viện, Dưỡng Trí Viện. Tuy nhiên ngày xưa người ta ít khi gọi là bệnh viện, mà gọi là Nhà Thương, ảnh internet.



Hình 3: Bệnh Viện Vi Dân, còn gọi là Nhà Thương Vi Dân, ảnh internet.



Hình 4: Bảo Sanh Viện Từ Dũ, góc đường Cống Quỳnh & Cao Thắng, ảnh internet.



Hình 5: Nhà Thương Tâm Trí Miễn Phí trước năm 1975, còn được gọi là Bệnh Biện Chợ Quán. Bệnh viện tọa lạc trên một khu đất rộng gần 5 hecta tại làng Chợ Quán nằm giữa Sài Gòn-Chợ Lớn, phía trước có sông Bến Nghé chảy qua (nay gọi là kênh Tàu Hủ), ảnh internet.



Hình 6: Xem nội dung nơi hình 5.



Hình 7: Bệnh Viện Sài Gòn, 1965, Công Báo VNCH 1965 (Administrative Bulletin of RVN 1965).



Hình 8: Bệnh Viện Nhi Đồng Sài Gòn, 1965, ảnh internet.



Duong Tri Vien Binh Hoa 1968
nhà thương nổi tiếng điều trị bệnh về tâm thần
Người dân địa phương quen gọi là "nhà thương điên Biên Hòa"
(sau 75 được đổi & bệnh viện Tâm Thần Trung Ương II)

Hình 9: Dưỡng Trí Viện Biên Hoà năm 1968, ảnh Bob Diamond.



Hình 10: Nhà Thương Thi Vĩnh Long (Bệnh Viện Nguyễn Trung Trục Vĩnh Long),
Công Báo VNCH 1960 (Administrative Bulletin of RVN 1960).



Hình 11: Nhà Thương Thi ở Cà Mau năm 1960s, Công Báo
VNCH 1960s (Administrative Bulletin of RVN 1960s).



Hình 12: Dà Lữ Viện Địa phương Sài Gòn-Chợ Lớn, 1955. Dà Lữ Viện là nơi để cho những người lang thang, không cửa không nhà đến ngủ hằng đêm. Ngày 16-11-1949, Dà Lữ Viện ở số 345 Gallieni, Sài Gòn được khánh thành sau một thời gian xây dựng theo đề xuất của Bộ Xã hội. Ngôi viện này được dành cho người thất cơ lỡ vận, không nơi ngủ hằng đêm có thể đến để trú ngụ, Công Báo VNCH 1955 (Administrative Bulletin of RVN 1955).

III

NHỚ CÁI THỜI ĐỒNG BẠC XÉ ĐÔI

Thời kỳ anh em chúng tôi còn được ở chung với ông bà ngoại, dù nhà ông bà không khá giả gì hơn ai, nhưng đây là thời kỳ vàng son nhất của tôi. Nhà ông bà ngoại tôi, nghe nói là nhà của ba tôi bán lại hồi lúc ba chưa cưới mẹ, nhà nằm ngay ngã tư đường Trương Vĩnh Ký và Lý thường Kiệt trong thị xã Vĩnh Long, khoảng những năm của thập niên 50s, đầu đường phố không rộng nhưng sạch lắm, trước nhà ông ngoại trồng đủ thứ kiểng, nhiều nhất là những chậu mai chiếu thủy trắng, nghe ông ngoại nói những chậu mai đó còn lớn tuổi hơn ông ngoại nhiều. Hồi còn nhỏ, khúc đường Lý thường Kiệt từ nhà ngoại tôi đi đến phía sau Miếu Quốc Công, chạy dài đến đầu đường Đồng Khánh là khúc đường tôi sợ nhất, vì cả một khoảng đường dài trên 200 thước chỉ toàn là lau sậy, với tiếng kêu của con “ngắt ngang”, cả ngày lẫn đêm đều tĩnh mịch. Có một lần, có một cô đầm (phụ nữ Pháp) đi ngang nhà thấy tôi, cô bèn vô xin với bà ngoại dắt tôi về nhà cô chơi, tôi biết về nhà cô là sẽ có bánh kẹo, mứt, táo, đủ thứ hết, nhất là mấy tờ giấy một đồng bạc Đông Dương, nhưng nhớ tới khúc đường sau lưng Miếu Quốc Công tôi phát lạnh xương sống. Cô đầm nào hay biết chuyện tôi sợ, nên sau khi cho tôi đủ thứ và thấy tôi ở chơi cũng chán nên cô biểu tôi về, tôi gật đầu bước ra chứ không nói gì cả. Khi ra tới cửa là tôi nhắm mắt chạy một mạch về tới nhà, về tới nhà một lúc rồi mà tôi vẫn còn run, lúc sau tôi lần mò tay trong túi định lấy kẹo ra cho chị Hai, nhưng hồi ôi có còn cục nào đâu! Như vậy đó, mà lần nào cô đầm rủ về nhà tôi cũng đi, rồi lần nào cũng chạy về nhà trong túi không còn một cục kẹo. Phải nói trong suốt thời gian ở với ông bà ngoại, chị em chúng tôi cái gì cũng sướng vì hồi đó cậu mợ Năm chưa có con, còn cậu mợ Tư thì luôn luôn xa nhà, mấy dì thì chưa có dì nào lập gia đình, nên tình thương ông bà ngoại và mấy dì đổ dồn hết cho mấy chị em chúng tôi, nhất là tôi vì ông bà ngoại biết ba không mấy thương tôi nên cái gì ông bà ngoại cũng dồn hết cho tôi. Đi đâu ông ngoại cũng dắt tôi đi theo một bên, có lẽ nhờ vậy mà bây giờ tánh tình tôi cũng phóng khoáng như ông ngoại ngày nào.

Điều làm tôi nhớ nhất là trong suốt mười năm sống với ông bà ngoại (từ năm 1949 đến năm 1959), sáng nào ông bà ngoại cũng cho hai chị em chúng tôi mỗi đứa một đồng bạc giấy và dặn: đồng bạc này cho tui con ăn quà bánh suốt ngày. Hồi đó thường thì gói xôi ăn no nê chỉ chừng 2 cắc bạc là nhiều. Vui nhất là khi mua gói xôi mà người bán không có đủ tiền cắc để thối lại cho tờ giấy một đồng, họ liền xé tờ giấy bạc làm đôi, họ giữ lại một nửa, và đưa lại cho tui một nửa kèm thêm 3 cắc bạc... Lối thối tiền theo kiểu đồng bạc xé đôi này hình như kéo dài cho mãi tới năm 1957 mới hết. Về sau này tui có hỏi ông Ngoại và ông Ba về việc đồng bạc xé đôi này thì được 2 cụ trả lời là lúc đó Việt Nam mình mới độc lập nên số tiền các bằng bạc do người Pháp phát hành năm 1953 rất ít so với tiền giấy. Số tiền các phát hành năm 1953 một mặt in hình 3 cô gái Bắc Trung Nam, còn mặt kia in hình nhành bông lúa... Ông Ba tui nói: Con còn nhỏ quá mà để ý nhiều chuyện chỉ cho thêm một vậ con! Tui chỉ cười, nhưng nhờ vậy mà tui có những hồi ức rất đẹp về một thời đã qua. Phải nói, đây là một trong những kỷ ức đẹp nhất của đời tôi! Ông bà ngoại và ông Ba kính yêu, con và gia đình nhỏ của con hết sức biết ơn ông bà ngoại, ông Ba và các dì, cậu mợ. Mong cho những người thân yêu đang còn tại thế của con luôn bình yên, và những người đã khuất sớm được siêu thoát!



Hình 1: Hình chụp trước nhà ông bà ngoại năm 1961.



Hình 2: Mặt sau của một trong 3 loại giấy bạc Một Đồng. Hình trên mặt sau của tờ giấy bạc này là bảo tàng viện trong Thảo Cầm Viên Sài Gòn (Sở Thú). Loại giấy bạc màu xanh trong hình này được lưu hành nhiều nhất khoảng từ năm 1952 đến năm 1957, lúc này người bán không đủ tiền các thối lại là xé làm hai rồi kèm theo số các nửa cho đủ thối. Đây là đồng bạc mà hồi nhỏ tui xé đôi nhiều nhất khi đi mua đồ. Tưởng cũng nên nhắc lại, tháng 12 năm 1954, 35 đồng Việt Nam Cộng Hoà=1 Mỹ Kim. Trong khi đó, cũng vào năm này, 1 đồng Việt Nam Cộng Hoà=10 Francs (Phật Lăng hay đồng Quan của Pháp).



Hình 3: Mặt sau của một trong 3 loại giấy bạc Một Đồng.
Xem nội dung nơi hình 10.

IV

LA DALAT: MỘT THOÁNG TỰ HÀO PHA LẤN MỘT CHÚT XÓT XA VÀ NUỐI TIẾC VỀ MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Những ai đã từng sống tại miền Nam Việt Nam từ sau 1954 đến 1975, chắc hẳn không thể quên được chiếc xe hơi mang tên La Dalat, một niềm tự hào của một dân tộc, một quốc gia vừa mới thu hồi độc lập từ tay người Pháp. Phải nói từ cuối thập niên 1960s mãi đến khi miền Nam bị bức tử vào tháng 4 năm 1975, đầu trải qua nhiều năm tháng chiến tranh triền miên, nhưng Việt Nam Cộng Hoà luôn cố gắng phát triển về mọi mặt, nhất là về y tế, giáo dục và kỹ nghệ xe hơi. Mãi cho tới ngày nay, nói về kỹ nghệ xe hơi của VNCH thì La Dalat mãi mãi là một dấu ấn của thời hoàng kim trong ngành kỹ nghệ xe hơi tưởng chừng như huyền thoại, tưởng chừng như huyền thoại vì vào thập niên 1960s, không một quốc gia nào trên thế giới có thể nghĩ rằng chưa đầy mười năm sau ngày độc lập mà Sài Gòn có thể chế ra được mẫu xe hơi vừa bền, vừa rẻ lại tiêu thụ xăng rất ít. Đối với những ai đã từng sống dưới chế độ VNCH tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975, bây giờ mỗi lần nghĩ đến chiếc xe hơi La Dalat đều cảm thấy một thoáng tự hào pha lẫn một chút xót xa và nuối tiếc về một thời đáng nhớ, rất đáng nhớ của dân tộc Việt Nam.

Sau khi thế chiến thứ II chấm dứt vào năm 1945, chính phủ Trần Trọng Kim được Quốc Trưởng Bảo Đại ủy nhiệm đứng ra thành lập chính phủ cho nước Việt Nam độc lập. Những tưởng sau gần một thế kỷ bị thực dân đô hộ, từ đây đất nước sẽ được tự do phát triển để vươn lên cùng năm châu thế giới. Nhưng không, có người đã xuống tàu Fountainebleau ký kết đồng ý cho người Pháp đổ bộ vào Hải Phòng với điều kiện là người Pháp phải công nhận bè đảng của mình. Thật là buồn cho đất nước nhược tiểu. Sau đó đất nước Việt Nam phải trải qua 9 năm chiến tranh đáng lý không nên xảy ra nếu ai đó không cho người Pháp đổ bộ vào Hải Phòng. Sau khi chiến tranh chấm dứt vào năm 1954, Việt Nam bị chia đôi Nam Bắc bởi vĩ tuyến 17. Miền Bắc với tên nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, theo thể giới Cộng Sản. Miền Nam với tên Việt Nam Cộng Hoà theo thể giới tự do và kinh tế thị trường phát triển tự do. Tại miền Nam, sau khi thu hồi nền

độc lập, quân dân cán chánh Việt Nam Cộng Hoà đã chung sức tái thiết và phát triển đất nước về mọi mặt từ giáo dục, y tế, công thương, kỹ nghệ, đến hệ thống giao thông cầu đường. Chỉ trong vòng chưa đầy sáu năm sau đó, tức là khoảng năm 1960, vị thế của Việt Nam Cộng Hoà đã rất vững vàng trên trường quốc tế. Trong bài viết ngắn này, người viết chỉ đề cập đến ngành kỹ nghệ xe hơi Việt Nam Cộng Hoà, và xem sự ra đời của những mẫu xe La Dalat vào cuối thập niên 1960s như là một niềm tự hào của dân tộc, của một quốc gia vừa mới thu hồi độc lập chưa đầy một thập niên. Cho dầu niềm tự hào ấy đã bị bức tử vào tháng 4 năm 1975, nhưng dấu ấn sâu đậm của nó sẽ mãi mãi đi vào lịch sử của một miền đất hứa của dân tộc.

Vào giữa thập niên 1960s, các kỹ sư của chi nhánh Société Automobile d'Extrême-Orient (tiền thân của Sài Gòn Xe Hơi Công Ty) của ngành kỹ nghệ xe hơi Việt Nam Cộng Hoà đã bắt tay vào sản xuất và lắp ráp ngay tại Sài Gòn Việt Nam một chiếc xe tuy không sang trọng và mạnh như xe Mỹ, nhưng giá thành và chất lượng của xe La Dalat ăn đứt tất cả các loại xe của Nhật cùng thời với nó. Chiếc xe được đặt tên là La Dalat. Xe La Dalat chắc nhiều thế hệ về sau này ở Sài Gòn ít người biết đến nó. Tuy nhiên những năm 1970 đây là một thương hiệu nổi tiếng. Cách đây hơn 50 năm đã có trên 5.000 chiếc xe La Dalat được xuất xưởng và lăn bánh tại Sài Gòn hoa lệ và trên hầu hết các tỉnh thành của nước Việt Nam Cộng Hoà. La Dalat được thiết kế bởi các kỹ sư của Công Ty Citroën Saigon, tức Công Ty Xe Hơi Sài Gòn ngay từ sau khi người Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam, và bắt đầu sản xuất mạnh từ những 1969, 1970 cho mãi đến năm 1975. Về mặt kỹ thuật, bloc máy La Dalat sử dụng động cơ Citroën 4 thì, 2 xy-lanh, dung tích 600 phân khối cho công suất 31 mã lực với hộp số 4 bậc. La Dalat có chiều dài trung bình khoảng 3,5 mét, chiều ngang khoảng 1,53 mét, và chiều cao khoảng 1,54 mét. Tùy theo kiểu xe, trọng lượng trung bình của xe La Dalat từ 480 kí lô đến 590 kí lô. Tuy nhiên, loại sản xuất cho vùng núi và cao nguyên thì có khung phòng chắc chắn hơn và có trọng lượng khoảng 770 kí lô. Thời điểm từ năm 1965 đến 1975, giá trung bình của một chiếc xe La Dalat giá 650,000 ngàn trong khi Mazda hay Toyota giá từ một triệu một đến một triệu ba trăm ngàn.

Tương cũng nên nhắc lại, hiệu xe La Dalat ra đời với 4 kiểu dáng khác nhau có phần bloc máy và hệ thống tay lái được nhập cảng từ Pháp vì lúc đó VNCH chưa có nhà máy luyện thép nên không đúc được bloc máy. Còn lại hầu như tất cả các bộ phận khác của xe đều

được làm tại hảng xe La Dalat hay những nhà máy trong quốc nội được hảng xe đặt làm như đèn, kén báo hiệu, ghế nệm, dàn đồng, thành xe được đóng bằng một loại tôn đặc biệt, mui xe bằng lá thép mỏng được uốn lại hoặc xe mui trần được che nắng che mưa bằng loại vải bố đặc biệt (có thể cuộn lại khi trời mát, mở ra khi trời nắng hay mưa). Nói tóm lại, tính đến năm 1975 thì khoảng trên 40 phần trăm thành phần của các mẫu xe La Dalat đều được sản xuất tại Việt Nam, nghĩa là chỉ trừ bloc máy, còn toàn bộ những thứ khác đều được sản xuất và lắp ráp tại Việt Nam. Sau hơn năm mươi năm kể từ ngày chiếc La Dalat đầu tiên lăn bánh tại Sài Gòn, hầu hết các kỹ sư khắp nơi trên thế giới đều có ấn tượng rất tốt về loại xe đầu tiên được sản xuất ở Sài Gòn vào giữa thập niên 1960s. La Dalat được nhiều kỹ sư đánh giá là chiếc xe tiết kiệm xăng, rất dễ sửa chữa, mãi đến ngày nay vẫn dễ thay thế các bộ phận, đặc biệt các bộ phận như cánh cửa, kính xe đều có thể tự chế. Các thiết bị và đồ phụ tùng rời được bán với giá vừa phải vì chúng hoàn toàn được chế tạo trong nội địa Việt Nam Cộng Hoà. Từ năm 1969 đến 1975, Công ty Xe hơi Sài Gòn sản xuất hơn năm ngàn chiếc La Dalat, tức là hơn một ngàn chiếc mỗi năm. Mãi cho tới ngày nay, chiếc xe La Dalat mãi mãi là một niềm hãnh diện cho ngành kỹ nghệ xe hơi VNCH trong buổi sơ thời, đặc biệt là La Dalat được ra đời trong lúc VNCH phải đương đầu với cuộc chiến khốc liệt nhất trong lịch sử. Năm 1973, ngạc nhiên và hài lòng với thành công đáng ngờ của Công ty Xe hơi Sài Gòn, các kỹ sư của Citroën bên Pháp đã sang Việt Nam lấy 3 chiếc La Dalat về Pháp để mổ xẻ phân tích thiết kế, từ đó họ cho ra đời kiểu khung xe để sản xuất mà không đòi hỏi đầu tư nhiều công nghệ. Phải thật tình mà nói, La Dalat cũng là niềm hãnh diện và tự hào của dân tộc Việt Nam, vì thời đó ở Châu Á, Việt Nam là quốc gia thứ hai sản xuất được xe hơi, chỉ sau có Nhật Bản. Trong khi đó, Nam Hàn trong vùng Đông Bắc Á phải đợi đến gần 20 năm sau mới chế được một chiếc xe có tầm cỡ như La Dalat. Nghĩa là mãi đến năm 1981, Nam Hàn mới chế tạo được chiếc xe Hyundai với bloc máy Mitsubishi được nhập cảng từ Nhật Bản. Giờ có nói gì đi nữa thì một thời đáng lý là thời kỳ hoàng kim của dân tộc Việt Nam đã bị vượt khỏi tầm tay của mình một cách oan uổng. Mong đây là một bài học mà mọi thế hệ sau này của Việt Nam nên suy ngẫm để không phải rơi vào cái hố thẳm mà cha anh họ đã từng bị rơi vào, mong lắm vậy!!!



Hình 1: Hình ảnh đính kèm một số hình ảnh về những mẫu xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà trước năm 1975. Những mẫu xe La Dalat sản xuất vào cuối thập niên 1950s và đầu những năm trong thập niên 1960s ở Sài Gòn, Việt Nam. Xe Citroën La Dalat dựa trên kiểu Citroën Méhari được sản xuất. Loại xe này được sản xuất nhiều nhất từ năm 1969 đến năm 1975. Vào thời điểm đó, rất nhiều xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà. Tương cũng nên nhắc lại, độ bền của xe La Dalat đã được chứng minh một cách hết sức hùng hồn vì hơn nửa thế kỷ từ ngày chiếc xe La Dalat đầu tiên lăn bánh đến nay hàng ngàn chiếc La Dalat vẫn thách thức thời gian và vẫn còn đang tiếp tục lăn bánh trên khắp Việt Nam từ tất cả các miền Nam Trung Bắc, nguồn ảnh từ internet.



Hình 2: Hình ảnh đính kèm một số hình ảnh về những mẫu xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà trước năm 1975. Những mẫu xe La Dalat sản xuất vào cuối thập niên 1950s và đầu những năm trong thập niên 1960s ở Sài Gòn, Việt Nam. Xe Citroën La Dalat dựa trên kiểu Citroën Méhari được sản xuất. Loại xe này được sản xuất nhiều nhất từ năm 1969 đến năm 1975. Vào thời điểm đó, rất nhiều xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà. Tương cũng nên nhắc lại, độ bền của xe La Dalat đã được chứng minh một cách hết sức hùng hồn vì hơn nửa thế kỷ từ ngày chiếc xe La Dalat đầu tiên lăn bánh đến nay hàng ngàn chiếc La Dalat vẫn thách thức thời gian và vẫn còn đang tiếp tục lăn bánh trên khắp Việt Nam từ tất cả các miền Nam Trung Bắc, nguồn ảnh từ internet.



Hình 3: Hình ảnh đính kèm một số hình ảnh về những mẫu xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà trước năm 1975. Những mẫu xe La Dalat sản xuất vào cuối thập niên 1950s và đầu những năm trong thập niên 1960s ở Sài Gòn, Việt Nam. Xe Citroën La Dalat dựa trên kiểu Citroën Méhari được sản xuất. Loại xe này được sản xuất nhiều nhất từ năm 1969 đến năm 1975. Vào thời điểm đó, rất nhiều xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà. Tương cũng nên nhắc lại, độ bền của xe La Dalat đã được chứng minh một cách hết sức hùng hồn vì hơn nửa thế kỷ từ ngày chiếc xe La Dalat đầu tiên lăn bánh đến nay hàng ngàn chiếc La Dalat vẫn thách thức thời gian và vẫn còn đang tiếp tục lăn bánh trên khắp Việt Nam từ tất cả các miền Nam Trung Bắc, nguồn ảnh từ internet.



Hình 4: Hình ảnh đính kèm một số hình ảnh về những mẫu xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà trước năm 1975. Những mẫu xe La Dalat sản xuất vào cuối thập niên 1950s và đầu những năm trong thập niên 1960s ở Sài Gòn, Việt Nam. Xe Citroën La Dalat dựa trên kiểu Citroën Méhari được sản xuất. Loại xe này được sản xuất nhiều nhất từ năm 1969 đến năm 1975. Vào thời điểm đó, rất nhiều xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà. Tương cũng nên nhắc lại, độ bền của xe La Dalat đã được chứng minh một cách hết sức hùng hồn vì hơn nửa thế kỷ từ ngày chiếc xe La Dalat đầu tiên lăn bánh đến nay hàng ngàn chiếc La Dalat vẫn thách thức thời gian và vẫn còn đang tiếp tục lăn bánh trên khắp Việt Nam từ tất cả các miền Nam Trung Bắc, nguồn ảnh từ internet.



Hình 5: Hình ảnh đính kèm một số hình ảnh về những mẫu xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà trước năm 1975. Những mẫu xe La Dalat sản xuất vào cuối thập niên 1950s và đầu những năm trong thập niên 1960s ở Sài Gòn, Việt Nam. Xe Citroën La Dalat dựa trên kiểu Citroën Méhari được sản xuất. Loại xe này được sản xuất nhiều nhất từ năm 1969 đến năm 1975. Vào thời điểm đó, rất nhiều xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà. Tưởng cũng nên nhắc lại, độ bền của xe La Dalat đã được chứng minh một cách hết sức hùng hồn vì hơn nửa thế kỷ từ ngày chiếc xe La Dalat đầu tiên lăn bánh đến nay hàng ngàn chiếc La Dalat vẫn thách thức thời gian và vẫn còn đang tiếp tục lăn bánh trên khắp Việt Nam từ tất cả các miền Nam Trung Bắc, nguồn ảnh từ internet.



Hình 6: Hình ảnh đính kèm một số hình ảnh về những mẫu xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà trước năm 1975. Những mẫu xe La Dalat sản xuất vào cuối thập niên 1950s và đầu những năm trong thập niên 1960s ở Sài Gòn, Việt Nam. Xe Citroën La Dalat dựa trên kiểu Citroën Méhari được sản xuất. Loại xe này được sản xuất nhiều nhất từ năm 1969 đến năm 1975. Vào thời điểm đó, rất nhiều xe La Dalat đang lăn bánh trên đường phố Sài Gòn và các tỉnh thành của Việt Nam Cộng Hoà. Tưởng cũng nên nhắc lại, độ bền của xe La Dalat đã được chứng minh một cách hết sức hùng hồn vì hơn nửa thế kỷ từ ngày chiếc xe La Dalat đầu tiên lăn bánh đến nay hàng ngàn chiếc La Dalat vẫn thách thức thời gian và vẫn còn đang tiếp tục lăn bánh trên khắp Việt Nam từ tất cả các miền Nam Trung Bắc, nguồn ảnh từ internet.

V

AI MỚI THỰC SỰ LÀ KẺ LỪA GẠT, NGU DÂN & BÓC LỘT ĐỒNG BÀO?

Nhằm mục đích lôi kéo người dân về phía mình nên từ năm 1939 đến năm 1945, có người cứ ra rả tuyên truyền: “Tây cốt làm cho dân ta ngu, làm cho dân ta hèn. Ngu thì phải hèn. Dân ta ngu hèn thì nó dễ trị, dễ ăn hiếp, dễ bóc lột. Là cách bung mắt, nó không cho ta tự do báo chí. Nên trong nước và thiên hạ có gì lạ chúng ta cũng không biết. Đó là cách lừa gạt, đó là cách ngu dân để dễ trị.” Bây giờ sau gần 70 năm người Pháp rút ra khỏi Việt Nam, chắc thời gian 70 năm cũng đủ dài để cho ai trong chúng ta cũng đều thấy rằng AI MỚI THỰC SỰ LÀ KẺ LỪA GẠT, NGU DÂN & BÓC LỘT ĐỒNG BÀO? Ai trong chúng ta cũng đều muốn vùng thoát ra khỏi sự cai trị của ngoại bang để đất nước có được độc lập, dân chủ và nhân quyền đích thực. Ngoại bang ngoại chủng họ cai trị, họ hà khắc, họ ngu dân, họ lừa gạt để bóc lột dân đó là chuyện của người ngoại chủng, hà có gì đất nước mang tiếng là được người đồng chủng cai trị mà bản chất thật của sự cai trị này lại tàn ác hơn sự cai trị của ngoại chủng gấp cả ngàn lần? Tại sao dân tộc mình phải ra đến nông nổi này hỏi trời? Thật hết sức khó hiểu cho một dân tộc có tiếng là hoà hiếu nhất trong vùng.

Từ năm 1857 đến năm 1867, khi những tiếng súng đại bác đầu tiên của Pháp nổ ra ở Sơn Trà, Đà Nẵng đến khi người Pháp hoàn toàn làm chủ vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh. sau đó, người Pháp vào năm 1883, theo Hiệp Ước Patrenôte-Nguyễn Văn Tường, nước Pháp chính thức đặt nền bảo hộ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Phải thực tình mà nói, khi người Pháp đô hộ đất nước mình, họ đã phải đem từ Pháp qua đây những vật liệu như sắt thép, xi măng, nhựa đường từ bên nước họ sang xây dựng cầu, cống, đường sá bên Việt Nam. Họ đã xây dựng đường sá cầu cống khắp nơi từ Bắc chí Nam trên hai ngàn cây số, làm xong để cho dân đi thoải mái mà chẳng dựng 1 trạm thu phí nào để lấy tiền mãi lộ. Paul Doumer giữ chức Toàn quyền Đông Dương từ 1897 đến 1902. Tên của ông được đặt cho một cây cầu ở Hà Nội, ông là người chính thức đưa ra quyết định xây dựng cầu này, về sau cầu được đổi tên là cầu Long Biên. Cầu Long Biên là một công trình lớn (trước 1945 là cầu dài nhất cõi Đông Dương). Sau khi xây xong cầu, nhiều quan chức cả Tây lẫn Việt, đều khuyên ông nên thiết lập 2 trạm

ở 2 đầu cầu để thu lại phần nào tiền cho ngân quỹ Đông Dương, đã bỏ ra số tiền quá lớn để xây cây cầu lớn nhất và dài nhất Đông Dương thời đó. Paul Doumer là viên Toàn Quyền của người Pháp, một ngoại nhân ngoại chủng, thế mà sau khi xây xong cầu Long Biên với những lời đề nghị béo bở của các quan, ông đã nghiêm sắc mặt và nói lớn rằng: “Các thầy chỉ nghĩ tới việc bóp nặn dân. Cây cầu này được xây bằng ngân sách thuộc địa, do chính dân chúng của xứ này đóng góp, giờ xây xong cầu lại tính bắt người ta đóng nữa. Sao mấy thầy bất nhân thế!” Đó, một viên quan ngoại chủng mà còn nói lên được một câu nói có tình người. Phải thực tình mà nói, khi người Pháp sang xâm chiếm Việt Nam, chắc chắn là họ phải khai thác tài nguyên thiên nhiên của đất nước ta mang về cho đất nước họ. Họ muốn lấy bao nhiêu thì mặc tình cứ lấy không ai làm gì được họ. Nhưng không, họ lấy tài nguyên thiên nhiên, nhưng họ cũng bỏ ra phần nào đó để xây dựng những thành phố của các thuộc địa, họ xây dựng trường học cho con em dân thuộc địa mà không bắt dân thuộc địa phải đóng một đồng một cắc học phí nào. Họ xây nhà thương trị bệnh cho dân thuộc địa, cũng không lấy một đồng một cắc cái gọi viện phí nào. Tưởng cũng nên nhắc lại, tất cả phổ xá trong những tỉnh thành từ Bắc chí Nam của Việt Nam đều do người Pháp xây dựng từ năm 1867 đến năm 1945. Và dĩ nhiên, dầu người Pháp chẳng hô hào ai làm chủ, nhưng người dân nào cất nhà ở đâu thì người dân sở hữu ngôi nhà và mảnh đất nơi họ cất nhà, chứ không phải chỉ là cái tên chết tiệt: quyền xử dụng đất. Bây giờ thiết nghĩ thời gian 50 cũng đủ dài để cho chúng ta nhìn lại cung cách hành xử của những người đồng chủng đối xử với nhau thì sẽ rõ AI MỚI THỰC SỰ LÀ KẺ LỪA GẠT, NGƯỜI DÂN & BÓC LỘT ĐỒNG BÀO. Ai trong chúng ta cũng đều muốn sống trong một nước độc lập, người mình cai trị người mình, nhưng ít nhất mình phải hành xử với người đồng chủng của mình nếu không tốt hơn cách mà người ngoại chủng đã cai trị dân mình thì ít nhất cũng phải bằng cách mà họ đã cai trị dân mình chứ, đằng này sau nửa thế kỷ miền Nam được người đồng chủng cai trị, chúng ta thấy rõ cách mà người mình cai trị người mình phải nói là tệ hơn cách người Pháp cai trị người mình cả trăm ngàn lần, sao đến nỗi này vậy hỡi trời!! Ngoài cái gọi là học phí cho con em đi học và viện phí trị bệnh, người cai trị gọi là đồng chủng còn cho chính đồng bào mình đi xe TĂNG (1) suốt nửa thế kỷ nay, sao lại như vậy hỡi trời!!!

Cuối thập niên 1950s của thế kỷ XX, trong hoạch định phát triển kinh tế của miền Nam Việt Nam, nhiều xa lộ được xây dựng, nổi bật

là xa lộ Sài Gòn đi Biên Hòa. Ban đầu xa lộ có 3 làn đường chánh và 2 làn đường phụ cho mỗi bên. Dọc hai bên xa lộ là khu kỹ nghệ tập trung và một tuyến đường giao thông song song với xa lộ, dùng cho lưu hành bên trong. Có thể nói đây là một trong những xa lộ và khu kỹ nghệ khá lớn tại Miền Nam thời đó, ngày nay người ta gọi là Đường Cao Tốc, Khu Công Nghiệp. Xa lộ Sài Gòn-Biên Hoà thời đó là một xa lộ hiện đại được xây dựng sớm nhất tại vùng Đông Nam Á. Xa lộ Sài Gòn-Biên Hoà có tổng chiều dài trên 30.000 mét. Xa lộ này đi từ đông Sài Gòn đến nam Biên Hòa (không đi vào trung tâm đô thị, đông dân cư), người Sài Gòn quen gọi là Xa lộ Biên Hòa. Trên xa lộ này còn có 2 công trình lớn khác là cầu bắc qua sông Sài Gòn và cầu bắc qua sông Đồng Nai. Phải thật tỉnh mà nói, thời thập niên 1950s, 1960s mà làm được hai cây cầu này quả là quá lớn so với mấy cái cầu khác mà Việt Nam dựng lên sau đó khoảng bốn mươi hay năm mươi năm. Đến cuối thập niên đó, các tuyến đường vành đai Sài Gòn đai được xây dựng như xa lộ Bình Dương. Sau đó là xa lộ Đại Hàn tại vùng Nha Trang, xa lộ Đại Hàn tại Sài Gòn mà thời đó còn được gọi là Xa lộ Vành đai Thủ đô (Saigon Capital Beltway), vân vân. Đến thời Mỹ qua giúp VNCH trong chiến tranh Quốc-Cộng, người Mỹ cũng mở thêm nhiều đường Quốc Lộ khác như: QL 4 (Sài Gòn đi Cà Mau), QL14, QL16, QL19, QL21, vân vân. Và dĩ nhiên tất cả các nguyên, vật liệu họ cũng chở từ nước Mỹ sang xây dựng cho dân ta. Cũng như Pháp, người Mỹ chẳng lập 1 cái trạm thu phí nào trên các con lộ mà họ đã xây dựng để thu hồi vốn cả. Còn nhà nước của cái gọi là Xã Nghĩa thì sao? Họ chỉ sửa lại hay trét thêm chút ít nhựa đường lên những con đường cũ có sẵn bằng tiền thuế của nhân dân và tài nguyên trong nước. Thế rồi họ đặt trạm thu phí khắp nơi để lấy tiền của nhân dân thêm 1 lần nữa. Còn nhiều thứ lắm, nhưng bấy nhiêu đó thôi cũng đủ cho chúng ta thấy được nhà nước nào bóc lột, nhà nước nào áp bức nhân dân. Bây giờ sau 50 năm nhìn lại mà xem, xã hội thì băng hoại về mọi mặt, con người ngày càng vô đạo đức, quan lại tham nhũng tứ phương, giáo dục thì dối trá không ra gì, những người đứng đầu giáo dục chỉ xem giáo dục như một loại thương vụ không hơn không kém để kiếm được thật nhiều tiền, y tế thì tòi tệ mà lại đề đầu đề cổ dân chúng ra để lấy tiền, không có tiền đóng viện phí là kẻ như xong đời, lịch sử thì che dấu lừa bịp, quân lính thì kiêu căng hống hách... Nhìn kỹ mà xem, trong lịch sử Việt Nam đã từng có thời kỳ nào đốn mạt và hèn hạ đến như thế này hay không? Với giặc thì hèn, hèn không còn chỗ nào cho người khác hèn.

Trong khi với dân thì ác, cùng hung cực ác đến nỗi không còn chỗ nào cho người khác có thể ác hơn. Những ai còn có chút lòng với đất nước, chút tình với quê hương, hãy luôn nhớ lời dạy của tiên nhân. Thời Hậu Lê, sau vụ án Lê Chi Viên, Nguyễn Trãi, một đại công thần của nhà Hậu Lê đã thốt lên những câu nói hết sức thấm thía: “Bên ngoài thì giặc phương Bắc dòm ngó, gây hấn, lăm le, chỉ chờ có cơ hội thuận tiện là nuốt trọn ta. Bên trong, vua chúa hèn mạt, bất tài, không lo chống giặc, chỉ lo đàn áp những nhiều dân lành, quan lại từ trên xuống dưới tham nhũng nặng nề, khắp làng quê thôn xã cường hào ác bá nhung nhúc đè đầu cưỡi cổ dân đen.” Hãy cố mà nhớ lấy những lời nói chí tình chí lý này!!!

NHỮNG ANH CẢNH SÁT CỦA MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ

Trước năm 1975, khi tôi đang đóng tại phi trường Trà Nóc, Cần Thơ. Nhớ khoảng đầu năm 1974, tôi vừa mới mua một cái xe Honda Dame của Nhật, chưa kịp làm bảng số. Một lần tôi mặc đồ dân sự lái xe này từ Bình Thủy ra Cần Thơ, tới cầu Bình Thủy, tôi bị Cảnh Sát Công Lộ thổi còi và ra dấu cho tôi ngừng xe lại. Phải nói điều làm tôi nhớ nhất, và mãi đến bây giờ vẫn còn nhớ là cách hành xử của viên cảnh sát công lộ này. Sau khi dừng xe tôi lại thì anh cảnh sát đi về phía tôi rồi đưa tay phải lên chào theo kiểu nhà binh. Tôi hỏi anh cảnh sát: “có chuyện gì hay sao mà thầy cảnh sát dừng xe tôi lại?” Anh cảnh sát công lộ không trả lời ngay câu hỏi của tôi, mà anh tự giới thiệu: “Tôi, tên Nguyễn Công M, Cảnh Sát Công Lộ số... phụ trách khu vực Cần Thơ-Trà Nóc. Lý do tôi chặn xe anh lại là vì xe anh không có bảng số. Yêu cầu anh cho xem thẻ căn cước và giấy tờ xe.” Tôi bèn đưa cho anh những giấy tờ mà anh yêu cầu. Sau khi xem giấy tờ xe mới mua của tôi xong, anh cảnh sát công lộ bèn đi lại xe cảnh sát của mình một lúc rồi quay trở lại gặp tôi. Anh trao lại giấy tờ cho tôi kèm theo một tờ giấy của cảnh sát công lộ chứng nhận là xe mới mua chưa kịp làm bảng số. Anh nói với tôi: “Trong thời gian chờ đợi bảng số xe mới, nếu ông có bị cảnh sát công lộ chặn lại nữa thì ông chỉ cần đưa cho họ tờ giấy này là đủ. Phải thật tình mà nói, trước năm 1975, luật giao thông của VNCH theo đúng với luật giao thông quốc tế. Mãi đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ mãi cung cách hành xử của anh

cảnh sát công lộ Cần Thơ. Họ ăn nói mềm mỏng, lịch sự và văn minh. Họ sẵn sàng làm bất cứ thứ gì trong chức trách của họ để đem lại sự thoải mái cho người dân. Đúng là MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ!!!

Ghi Chú:

(1) Khi người viết nói người cai trị gọi là đồng chủng cho chính đồng bào mình đi xe TĂNG, người viết bài này muốn hình tượng hoá những gì đã và đang xảy ra đối với đồng bào, nhất là đồng bào miền Nam, từ gần nửa thế kỷ nay (từ năm 1975 đến nay): khi để ý theo dõi, chúng ta sẽ thấy từ năm 1975 đến nay đồng bào cả nước đều được nhà cầm quyền cho đi xe TĂNG: điện tăng, nước tăng, gas tăng, rau cải thịt thà tăng, cá mắm, đường muối tăng... mọi thứ đều tăng. Vậy thì không đi xe TĂNG chứ là gì?



Từ hình 1: Đường phố Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Từ hình 2: Đường phố Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Từ hình 3: Đường phố Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Từ hình 4: Đường phố Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Từ hình 5: Đường phố Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Từ hình 6: Đường phố Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Từ hình 7: Đường phố Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Từ hình 8: Đường phố Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Từ hình 9: Đường phố Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Từ hình 10: Đường phố Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Hình 11: Xa Lộ Biên Hòa lúc vừa làm xong, được Ngô Đình Diệm, Tổng Thống Đệ Nhất VNCH đến cắt băng khánh thành, ảnh internet (Google).



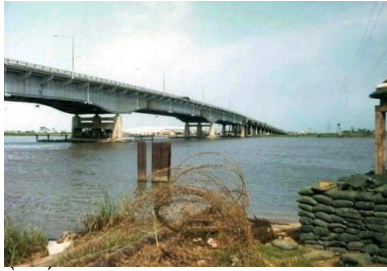
Hình 12: Xa Lộ Biên Hòa lúc vừa làm xong, được Ngô Đình Diệm, Tổng Thống Đệ Nhất VNCH đến cắt băng khánh thành, ảnh internet (Google).



Hình 13: Xa Lộ Sài Gòn-Biên Hoà trước năm 1975, đoạn hướng về Sài Gòn, ảnh internet (Google).



Hình 14: Xa Lộ Sài Gòn-Biên Hoà trước năm 1975, đoạn hướng về Biên Hoà, ảnh internet (Google).



Hình 15: Cầu bắc trên Xa Lộ Sài Gòn-Biên Hoà đoạn đi ngang qua sông Sài Gòn trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Hình 16: Ngã Tư Thủ Đức nằm trên Xa Lộ Biên Hoà lúc vừa làm xong, ảnh internet (Google).



Hình 17: Nhà máy xi măng Hà Tiên nhìn thấy từ Xa Lộ Biên Hoà từ phía xa xa, ảnh internet (Google).



Hình 18: Nhà Máy Nước Thủ Đức nhìn thấy từ trên Xa Lộ Biên Hoà, ảnh internet (Google).



Hình 19: Xa Lộ Biên Hoà khu vực đi ngang trường Bộ Binh Thủ Đức trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Hình 20: Xa Lộ Biên Hoà khu vực gần trường Bộ Binh Thủ Đức trước năm 1975, những tay đua xe đạp đang tập dợt, ảnh internet (Google).



Hình 21: Đèn Từ Sĩ Nghĩa Trang QĐ Biên Hoà trước năm 1975, ảnh internet (Google).



Hình 22: Hình ảnh những người Cảnh Sát Quốc Gia và Cảnh Sát Công Lộ trước năm 1975, ảnh Mike Gilmore 1969.



Hình 23: Hình ảnh những người Cảnh Sát Quốc Gia và Cảnh Sát Công Lộ trước năm 1975, ảnh Mike Gilmore 1969.



Hình 24: Hình ảnh những người Cảnh Sát Quốc Gia và Cảnh Sát Công Lộ trước năm 1975, ảnh Mike Gilmore 1969.



Hình 25: Hình ảnh những người Cảnh Sát Quốc Gia và Cảnh Sát Công Lộ trước năm 1975, ảnh Mike Gilmore 1969.

VI

MỘT THỜI VANG BÓNG VÀ RẤT ĐÁNG NHỚ CỦA ĐỒNG BẠC VIỆT NAM CỘNG HOÀ (1954-1975)

Tháng trước, sau khi tôi hoàn tất loạt bài viết về Thời Kỳ Hoàng Kim Của Đồng Bạc Việt Nam, một số quý vị đề nghị tôi viết một chút chi tiết hơn về Đồng Bạc Việt Nam Thời Cận Đại, Thời Việt Nam Cộng Hoà. Nhưng tôi e rằng với khả năng hạn hẹp của mình, mình khó có thể viết đầy đủ chi tiết về đồng bạc thời VNCH, vì công việc này đòi hỏi nhiều sưu tầm và biên soạn kỹ càng. Tuy vậy, để tưởng nhớ một thời kỳ hết sức tốt đẹp của đất nước, tôi cũng ráng viết về MỘT THỜI VANG BÓNG VÀ RẤT ĐÁNG NHỚ CỦA ĐỒNG BẠC VIỆT NAM CỘNG HOÀ 1954-1975, biết được cái gì và còn nhớ được cái gì thì viết cái ấy. Nếu có điều gì sơ sót, xin quý vị niệm tình bỏ qua và bình luận bổ túc thêm. Xin chân thành cảm tạ và thân chúc toàn thể quý vị cùng gia đình thân tâm luôn an lạc.

Tưởng cũng nên nhắc lại, thực dân Pháp chiếm toàn cõi Nam Kỳ vào năm 1867, sau năm 1883 thì miền Bắc trở thành xứ Bảo Hộ và miền Trung đầu còn vua nhưng cũng không khác gì xứ Bảo Hộ. Bắt đầu từ năm 1875, lịch sử tiền tệ Việt Nam thực sự bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn của tiền giấy. mặc dầu hồi đầu thế kỷ thứ XV, Hồ Quý Ly cũng đã từng đề xướng phát hành tiền giấy, nhưng chưa kịp thực hiện thì nước ta đã bị quân Minh xâm chiếm. Từ năm 1875, trong vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh ngày trước, người Pháp cho phát hành 3 loại tiền giấy: loại 5 đồng, loại 20 đồng, và loại 100 đồng. Trong giai đoạn 1943 đến 1945, người Nhật chiếm đóng Việt Nam, họ vẫn cho phát hành những tờ giấy bạc 5 đồng vàng, 20 đồng vàng và 100 đồng vàng.

Sau năm 1954, đất nước Việt Nam bị chia đôi ngay vĩ tuyến 17, miền Bắc theo chế độ Cộng Sản và chỉ được một số quốc gia theo Cộng Sản công nhận, trong khi Miền Nam theo chế độ Cộng Hoà, được hàng trăm quốc gia trên thế giới công nhận. Ngay từ thời còn Quốc Trưởng Bảo Đại, từ năm 1952 đến năm 1953, nước Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp đã cho in những tờ giấy bạc từ 1, 5, 10, 100, đến 200 đồng. Sau khi giành được độc lập, từ năm 1955 đến năm

1958, nước Việt Nam Cộng Hoà đã vừa tiến hành phát triển đất nước về mọi mặt, nhất là kinh tế, y tế, giáo dục, đời sống và phúc lợi của dân chúng... Trong khoảng thời gian này, để đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước, Chánh quyền VNCH đã tiến hành chi in và lưu hành những tờ giấy bạc của Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam từ tờ 1 đồng, 5 đồng, 10 đồng, 20 đồng, 100 đồng, đến những tờ 200 đồng và 500 đồng. Từ năm 1958 đến năm 1962, do sự phát triển kinh tế, nhất là sự phát triển của các tiểu thương, Chánh quyền VNCH lại cho in thêm một số lượng rất lớn những loại giấy bạc từ 1 đồng, 2 đồng, 5 đồng, 10 đồng 20 đồng 50 đồng và 200 đồng nhằm đủ cung ứng cho nhu cầu phát triển vượt bậc thời đó.

Nói về đồng bạc Việt Nam, điều làm tôi nhớ nhất là trong suốt mười năm sống với ông bà ngoại (từ năm 1949 đến năm 1959), sáng nào ông bà ngoại cũng cho hai chị em chúng tôi mỗi đứa một đồng bạc giấy và dặn: đồng bạc này cho tui con ăn quà bánh suốt ngày. Hồi đó thường thì gói xôi ăn no nê chỉ chừng 2 cắc bạc là nhiều. Nghĩa là hồi này giá của một gói xôi đã tăng lên gấp 20 lần thời mà vua Bảo Đại mới lên ngôi vào năm 1925 (theo lời ông ngoại tôi kể lại thì năm 1925, giá một gói xôi là 1 xu, giá một ổ bánh mì thịt là 4 xu, giá một ly cà phê sữa là 6 xu, giá một lít xăng là 20 xu...). Bây giờ trở lại thời huy hoàng của đồng bạc Việt Nam cái thời mà tôi đã biết, từ năm 1951 đến năm 1975. Nói thiệt, những năm 1951 đến năm 1957, điều vui nhất mỗi buổi sáng của tôi là khi ra lộ mua gói xôi nhằm lúc người bán không có đủ tiền cắc để thối lại cho tờ giấy một đồng, họ liền xé tờ giấy bạc làm đôi, họ giữ lại một nửa, và đưa lại cho tui một nửa kèm thêm 3 cắc bạc... Lối thối tiền theo kiểu đồng bạc xé đôi này hình như kéo dài cho mãi tới năm 1957 mới hết. Về sau này tui có hỏi ông Ngoại và ông Ba về việc đồng bạc xé đôi này thì được 2 cụ trả lời là lúc đó Việt Nam mình mới độc lập nên số tiền cắc bằng bạc do người Pháp phát hành năm 1953 rất ít so với tiền giấy. Số tiền cắc phát hành năm 1953 một mặt in hình 3 cô gái Bắc Trung Nam, còn mặt kia in hình nhành bông lúa... Ông Ba tui nói: Con còn nhỏ quá mà để ý nhiều chuyện chi cho thêm mệt vậy con! Tui chỉ cười, nhưng nhờ vậy mà tui có những hồi ức rất đẹp về một thời đã qua. Phải nói, đây là một trong những kỷ ức đẹp nhất của đời tôi! Phải nói, từ lúc tôi biết (khoảng từ năm 1952) cho đến bây giờ (2023), cái thời vang bóng của đồng tiền Việt Nam, phải nói là đồng tiền Việt Nam Cộng Hoà thì mới chính xác, là khoảng từ năm 1954 đến năm 1975. Từ năm 1953 đến năm 1954, một đồng VNCH=10 quan tiền Pháp (franc), một Mỹ

Kim=35 đồng VNCH. Đến ngày 29 tháng 12 năm 1954, một Mỹ Kim ăn 73,50 đồng VNCH. Tuy nhiên, sau đó, do tình trạng chiến tranh khiến cho nền kinh tế VNCH ngày càng khó khăn, đến ngày 31 tháng 8 năm 1968, khi quân đội Mỹ vào Việt Nam, đồng bạc VNCH bị phá giá nên một Mỹ Kim lúc này ăn 118 đồng VNCH. Từ năm 1965 đến năm 1969, 118 đồng Việt Nam Cộng Hoà=1 Mỹ Kim. Tôi nhớ rất rõ vì cuối năm 1969, trước khi tôi lên đường sang Mỹ học bay, mỗi SVSQKK được phép đổi 35.400 đồng VNCH, tức 300 đô La Mỹ thời đó để tiêu xài trong tháng đầu tiên khi mới qua. Từ năm 1970 đến năm 1975, 275 đồng Việt Nam Cộng Hoà=1 Mỹ Kim. Đến tháng 10 năm 1970, thì một Mỹ Kim=275 đồng VNCH. Dầu đồng tiền VNCH có bị phá giá vì chiến tranh đã khiến cho nền kinh tế bị trì trệ, nhưng nếu so với những gì xảy ra cho đồng tiền Việt Nam sau này, thì đồng tiền Việt Nam Cộng Hoà thời kỳ 1954 đến 1975 quả thật là MỘT THỜI VANG BÓNG & ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ!!!



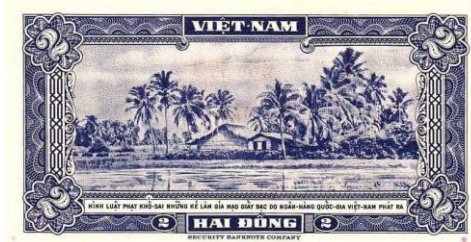
Hình 1: Mặt trước và mặt sau của loại giấy bạc Một Đồng. Loại giấy bạc màu xanh trong hình được lưu hành nhiều nhất khoảng từ năm 1952 đến năm 1957, lúc này người bán không đủ tiền các thối lại là xé làm hai rồi kèm theo số các nửa cho đủ thối.
 **Tưởng cũng nên nhắc lại, tháng 12 năm 1954, 35 đồng Việt Nam Cộng Hoà=1 Mỹ Kim. Trong khi đó, cũng vào năm này, 1 đồng Việt Nam Cộng Hoà=10 Francs (Phật Lăng hay đồng Quan của Pháp).



Hình 2: Mặt trước và mặt sau của loại giấy bạc Một Đồng. Loại giấy bạc màu xanh trong hình được lưu hành nhiều nhất khoảng từ năm 1952 đến năm 1957, lúc này người bán không đủ tiền các thối lại là xé làm hai rồi kèm theo số các nửa cho đủ thối.
 **Tưởng cũng nên nhắc lại, tháng 12 năm 1954, 35 đồng Việt Nam Cộng Hoà=1 Mỹ Kim. Trong khi đó, cũng vào năm này, 1 đồng Việt Nam Cộng Hoà=10 Francs (Phật Lăng hay đồng Quan của Pháp).



Hình 3: Mặt trước của loại giấy bạc Hai Đồng lưu hành nhiều nhất thời đệ nhất VNCH.



Hình 3: Mặt sau của loại giấy bạc Hai Đồng lưu hành nhiều nhất thời đệ nhất VNCH.



Hình 4: Mặt trước của loại giấy bạc Năm Đồng được lưu hành từ nhiều nhất thời đệ nhất Cộng Hoà, từ năm 1954 đến năm 1963.



Hình 5: Mặt sau của một trong 2 loại giấy bạc Năm Đồng được lưu hành từ nhiều nhất thời đệ nhất Cộng Hoà, từ năm 1954 đến năm 1963. Hình trên mặt sau của tờ giấy bạc này là nông dân đang cấy ruộng.



Hình 6: Mặt trước của một trong 2 loại giấy bạc Mười Đồng được lưu hành từ thời đệ nhất & đầu thời đệ nhị Cộng Hoà, từ năm 1954 đến khoảng năm 1967. Hình trên mặt trước của tờ giấy bạc này là cá hoá long và rồng.



Hình 7: Mặt sau của một trong 2 loại giấy bạc Mười Đồng được lưu hành từ thời đệ nhất & đầu thời đệ nhị Cộng Hoà, từ năm 1954 đến khoảng năm 1967. Hình trên mặt sau của tờ giấy bạc này là thuyền bè ven biển miền Trung.



Hình 8: Mặt trước của một trong 4 loại giấy bạc Hai Mươi Đồng được lưu hành từ thời đệ nhất & đầu thời đệ nhị Cộng Hoà, từ năm 1954 đến khoảng năm 1967. Hình trên mặt trước của tờ giấy bạc này là cảnh sông rạch miền Nam.



Hình 9: Mặt sau của loại giấy bạc Hai Mươi Đồng được lưu hành từ thời đệ nhất & đầu thời đệ nhị Cộng Hoà, từ năm 1954 đến khoảng năm 1967. Hình trên mặt sau của tờ giấy bạc này là mùa cấy cây của nông dân miền Nam.

Sau khi tôi hoàn tất loạt bài viết về Thời Kỳ Hoàng Kim Của Đồng Bạc Việt Nam, một số quý vị đề nghị tôi viết một chút chi tiết hơn về Đồng Bạc Việt Nam Thời Cận Đại, Thời Việt Nam Cộng Hoà. Nhưng tôi e rằng với khả năng hạn hẹp của mình, mình khó có thể viết đầy đủ chi tiết về đồng bạc thời VNCH, vì công việc này đòi hỏi nhiều sưu tầm và biên soạn kỹ càng. Tuy vậy, để tưởng nhớ một thời kỳ hết sức tốt đẹp của đất nước, tôi cũng ráng viết 2 phần về MỘT THỜI VANG BÓNG & RẤT ĐÁNG NHỚ CỦA ĐỒNG BẠC VIỆT NAM CỘNG HOÀ 1954-1975, biết được cái gì và còn nhớ được cái gì thì viết cái ấy. Đây là phần cuối của loạt bài này. Nếu có điều gì sơ sót, xin quý vị niệm tình bỏ qua và bình luận bổ túc thêm. Xin chân thành cảm tạ và thân chúc toàn thể quý vị cùng gia đình thân tâm luôn an lạc.

Phải thật tình mà nói, đầu thập niên 1960s, mặc dầu chiến tranh đã bắt đầu mạnh nha ở các vùng nông thôn Việt Nam, nhưng sự phát triển kinh tế của VNCH thời đó phải nói là vượt bậc, không một nước

nào trong vùng Đông Nam Á có thể bì kịp. Nền kinh tế VNCH thời đó phát triển nhanh tới độ, thủ tướng Tân Gia Ba là Lý Quang Diệu, trong một lần viếng thăm Sài Gòn đã phải buộc miệng thốt lên một câu nói mà nhiều thế hệ Việt Nam về sau này luôn cần phải suy gẫm. Lúc đó, Ông Lý Quang Diệu nói: Ước gì kinh tế và sự phát triển của Tân Gia Ba (Singapore) bằng được một nửa sự phát triển kinh tế của Sài Gòn cũng là phước đức lắm cho người dân Singapore rồi! Thôi chuyện này để cho nhiều đời sau suy gẫm, bây giờ chúng ta trở lại chủ đề của chúng ta về cái thời vang bóng của đồng bạc Việt Nam Cộng Hoà. Những thế hệ trẻ Việt Nam sau này hãy cố gắng tìm hiểu sự thật về hiện tình của 2 miền Nam và Bắc Việt Nam từ 1954 đến năm 1975, sự thật về sự phát triển hết sức kỳ diệu của nền kinh tế miền Nam Việt Nam trong những hoàn cảnh chiến tranh vô cùng khắc nghiệt. Tìm hiểu sự thật để thấy rằng Việt Nam đã từng có một cuộc chiến tranh hết sức phi lý từ năm 1959 đến năm 1975. Tìm hiểu để thấy rằng miền Nam Việt Nam thời kỳ 1954-1975 là mẫu hình phát triển lý tưởng mà nhiều, rất nhiều quốc gia trên thế giới mong muốn có được, trong đó nền kinh tế thị trường phát triển tự do, y tế công cộng miễn phí khắp cả nước, giáo dục nhân bản, khai phóng và dân tộc, trong nền giáo dục đó, học sinh hoàn toàn đi học hoàn toàn miễn phí từ tiểu học lên đến hết trung học. Thậm chí, lên đại học sinh viên chỉ phải trả tiền một số tiền rất nhỏ chi phí cho việc quay ronéo cho các bài giảng chứ sinh viên đại học chẳng phải đóng tiền trường. Đường sá cầu cống được xây dựng lên cho tiện việc giao thông của người dân chứ không phải để thâm tiền mãi lộ. Nếu những người anh em phía bên kia chịu hành xử như Bắc và Nam Hàn hay Đông Đức và Tây Đức thì phúc đức cho dân tộc mình đến dường nào. Thôi, lịch sử đã sang trang, hãy để cho những thế hệ của một vài trăm năm sau phê phán. Bây giờ chúng ta hãy trở về với chủ đề Một Thời Vang Bóng Của Đồng Bạc Việt Nam Việt Nam Cộng Hoà. Từ những năm từ năm 1962 đến năm 1966, mặc dầu chiến tranh ngày càng ác liệt hơn, nhưng nền kinh tế VNCH vẫn phát triển rất tốt. Từ năm 1965 đến cuối thập niên 1960s, kỹ nghệ xe hơi VNCH ở Châu Á chỉ thua duy nhất một nước đó là Nhật Bản. Đến cuối năm 1969, hãng xe La Dalat đã chế tạo và sản xuất khoảng trên 25 ngàn xe hơi loại bốn chỗ ngồi. Tất cả đều được chế tạo tại Việt Nam, chỉ trừ bloc máy Citroen là phải nhập cảng của Pháp, vì lúc đó Việt Nam chưa có nhà máy luyện thép để đúc bloc máy. Tưởng cũng nên nhắc lại, Nam Hàn phải đợi đến năm 1981 mới chế tạo được loại xe Hyundai với bloc máy

Mitsubishi của Nhật Bản. Lúc này ngân hàng Quốc Gia của VNCH cho in và lưu hành rất nhiều những loại giấy bạc từ 1 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng và 500 đồng. Năm 1966, ngân hàng quốc gia Việt Nam tiếp tục cho in những đồng tiền có mệnh giá 100, 200, và 500 đồng nhằm đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế. Từ những năm từ năm 1969 đến năm 1971, mặc dầu chiến tranh ngày càng ác liệt hơn, nhưng nền kinh tế VNCH vẫn phát triển rất tốt so với những nước không có chiến tranh trong vùng như Indonesia, Thái Lan, Phi Luật Tân... Lúc này ngân hàng Quốc Gia của VNCH cho in và lưu hành rất nhiều những giấy bạc từ 1 đồng, 20 đồng, 50 đồng, 100 đồng, 200 đồng, 500 đồng, và 1000 đồng. Năm 1972, số lượng in tiền vẫn như năm 1971, ngân hàng Quốc Gia của VNCH cũng cho in và lưu hành rất nhiều những giấy bạc từ 50 đồng, 100 đồng, 200 đồng, 500 đồng, và 1000 đồng. Cuối năm 1974 đầu năm 1975, ngân hàng Quốc Gia của VNCH cho in những đồng tiền có mệnh giá 1000, 5000, và 10000 đồng mẫu mới nhưng chưa kịp phát hành thì VNCH sụp đổ. Tưởng cũng nên nhắc lại, ngày đó trên tờ giấy bạc nào của VNCH cũng đều có ghi hàng chữ: Hình Luật Phạt Khổ Sai Cho Những Ai Làm Giả Mạo Tờ Giấy bạc Này (because counterfeit banknotes were a major issue at the time, all South Vietnamese banknotes were printed with a warning stating that counterfeiters were to be punished by penal labour).

Nói tóm lại, sau năm 1954, đất nước Việt Nam bị chia đôi ngay vĩ tuyến 17, miền Bắc theo chế độ Cộng Sản và chỉ được một số quốc gia theo Cộng Sản công nhận, trong khi Miền Nam theo chế độ Cộng Hoà, được hàng trăm quốc gia trên thế giới công nhận. Ngay sau giành được độc lập, miền Nam đã tiến hành phát triển kinh tế và đồng tiền VNCH là một trong những đồng tiền có giá trị rất cao trên thế giới. Đúng là MỘT THỜI VANG BÓNG & RẤT ĐÁNG NHỚ CỦA ĐỒNG BẠC VIỆT NAM CỘNG HOÀ (1954-1975). Thật vậy, trong suốt 21 năm tồn tại, đồng tiền của chính phủ VNCH lúc nào cũng là một trong những đồng tiền có giá trị rất cao trên thế giới. Đồng tiền VNCH có thể sử dụng tại hầu hết các quốc gia thuộc thế giới tự do, nhất là tại Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật, Tân Tây Lan, Úc Đại Lợi, Gia Nã Đại, Bỉ, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Áo, Ý, Hoà Lân, Nà Uy, Thụy Điển, Phần Lân, Đan Mạch... Tháng 12 năm 1954, 35 đồng Việt Nam Cộng Hoà=1 Mỹ Kim. Trong khi đó, cũng vào năm này, 1 đồng Việt Nam Cộng Hoà=10 Francs (Phật Lãng hay đồng Quan của Pháp). Từ năm 1965 đến năm 1969, 118 đồng Việt Nam Cộng Hoà=1 Mỹ Kim.

Tôi nhớ rất rõ vì cuối năm 1969, trước khi tôi lên đường sang Mỹ học bay, mỗi SVSQKK được phép đổi 35.400 đồng VNCH, tức 300 đô La Mỹ thời đó để tiêu xài trong tháng đầu tiên khi mới qua. Từ năm 1970 đến năm 1975, 275 đồng Việt Nam Cộng Hoà=1 Mỹ Kim. Tuy nhiên, theo bạn Lê Châu Trí, người đã từng làm việc cho Sở Ngoại Thương VNCH trước năm 1975, lúc đó giá trị hối đoái chính thức của đồng tiền VNCH vẫn là 118 đồng ăn một Mỹ Kim.



Hình 1: Mặt trước của một trong 4 loại giấy bạc Năm Mươi Đồng được phát hành thời VNCH, 1954-1975. Hình mục đồng ở nông thôn miền Nam.



Hình 2: Mặt sau của một trong 4 loại giấy bạc Năm Mươi Đồng được phát hành thời VNCH, 1954-1975. Hình thu hoạch lúa trong ngày mùa.



Hình 3: Mặt trước của một trong 4 loại giấy bạc Một Trăm Đồng được phát hành thời VNCH, 1954-1975. Hình nông dân đang lái máy cày trên đồng ruộng.



Hình 4: Mặt sau của một trong 4 loại giấy bạc Một Trăm Đồng được phát hành thời VNCH, 1954-1975. Hình con công.



Hình 5: Mặt trước và mặt sau của 5 loại giấy bạc Hai Trăm Đồng được phát hành thời VNCH, 1954-1975. Hình người lính VNCH đang canh giữ thôn làng.



Hình 6: Mặt trước và mặt sau của 5 loại giấy bạc Hai Trăm Đồng được phát hành thời VNCH, 1954-1975. Hình nông dân đang gặt mạ.

Thông thường mà nói, đồng bạc chỉ có giá trị cao tại các quốc gia có nền kỹ nghệ tiến bộ, những quốc gia phát triển, những quốc gia đang phát triển mạnh, hay những quốc gia có tài nguyên thiên nhiên phong phú như dầu lửa, kim cương hoặc vàng...chứ ít khi những nước tụt hậu mà lại có được đồng tiền có giá trị cao. Riêng tại miền Nam Việt Nam hay Việt Nam Cộng Hoà, khách quan mà nói, từ năm 1954 đến 1975, đồng tiền của đất nước này luôn có giá trị cao vì dầu đang bị chiến tranh tàn phá, nhưng đất nước lúc nào cũng phát triển rất mạnh về mọi mặt như kinh tế, tài chánh, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, văn văn. Mô hình phát triển mà rất nhiều nước trên thế giới mong muốn có được. Mô hình phát triển mà bạn bè xung quanh như Tân Gia Ba (Singapore), Phi Luật Tân (Philippines), Thái Lan (Thailand), Nam Dương (Indonesia), Miến, Lào, Cao Miên... đều nhìn mình như thần tượng, đều muốn cho con cháu của họ qua học hỏi mình. Cái thời mà học sinh trên cả nước đi học không tốn tiền, mà ai học giỏi còn được chính phủ cho tiền (học bổng). Hơn thế nữa, mỗi ngày đi học đều được nhà trường cho ăn bánh mì chấm sữa và uống sữa nóng. Đây là chính sách khuyến học của chính phủ thời đó muốn cho tất cả trẻ con có được cơ hội khá dễ để thâm nhận kiến thức và tri thức. Trong cái mô hình phát triển ấy, không một ai trong cả xứ phải lo lắng về vấn đề bệnh hoạn, vì hề bệnh, dầu nhẹ hay dầu nặng, đều có nhà thương thí lo đủ thứ, từ trị bệnh, thuốc men, ăn ở... Nếu bệnh nhẹ

thì bác sỹ khám bệnh, phát thuốc rồi chỉ dẫn cho cách về nhà uống thuốc. Nếu bệnh nặng thì nhà thương sẽ yêu cầu bệnh nhân ở lại trị bệnh, không cần biết phải mất bao lâu thời gian mới trị hết bệnh. Chưa hết bệnh là bệnh viện không cho về. Những nhà thương thí này là nhà thương công của chính phủ, tỉnh nào cũng có, và điểm đặc biệt nhất, dầu không hô hào lương y gì cả mà toàn thể bác sỹ, y tá và nhân viên nhà thương ai ai cũng hết sức thân thiện và gần gũi với bệnh nhân. Tất cả mọi chi phí nhà thương đều do chính phủ đài thọ, người bệnh không phải trả một đồng một cắc nào mà chỉ việc yên tâm trị bệnh. Nhớ lại thời đó, vì nhà nghèo nên ba mẹ bận bịu mua gánh bán bưng suốt ngày, chị Hai tôi thì phải làm việc nhà chuẩn bị những gánh hàng cho mẹ. Vì thế mỗi lần em út bị bệnh thì tôi là người bông mẩy em đi nhà thương khám bệnh, vì thế cho nên mãi tới bây giờ, hơn 60 năm sau, hình ảnh hiền từ và nhân hậu của các vị bác sỹ, y tá và nhân viên nhà thương vẫn còn in đậm trong tôi. Thời đó, đường sá, cầu cống chính phủ làm ra cho dân đi mà không hề phải nộp bất cứ một thứ tiền mải lộ nào.

Công tâm mà nói, sự giáo dục trong cái mô hình phát triển đó thật là tuyệt vời, mỗi sáng khi nghe tiếng Quốc ca vang lên, dầu đang ở bất cứ đâu trên đường phố, mọi người đều tự đứng nghiêm lại và bỏ nón xuống để chào quốc kỳ, với lòng tự hào dân tộc. Về âm nhạc, những bài hát được hát lên đều khiến mọi người nghe nhẹ lòng nhưng vô cùng phấn chấn, và cho mãi đến ngày hôm nay, các bài hát ấy không chỉ được hát ở miền Nam, mà trên cả nước, từ Bắc chí Nam đi đâu đến đâu, người ta cũng được nghe lại những bài hát ấy. Về đạo đức, thời đó, mọi người, dầu lớn hay dầu nhỏ, đang đi ngoài đường, thấy một đám tang đi ngang, không ai bảo ai, mọi người đều đứng lại một cách nghiêm trang, cúi nón ra và cúi đầu để vừa tiễn người quá cố mà cũng vừa chia buồn với gia đình người quá cố. Riêng đối với học sinh, gặp thầy cô giáo khi đang đi ngoài đường, đều phải lấy nón xuống cúi đầu chào thầy hay chào cô. Thật tình mà nói, tính nhân văn cũng như những giá trị tinh thần và đạo đức này của con người miền Nam còn cao hơn giá trị của đồng tiền vốn dĩ đã cao của miền Nam thời đó. Còn nói về sự tham lam ích kỷ, người miền Nam lúc đó dư ăn dư để, nên không muốn tham lam của ai, không muốn ích kỷ cho riêng mình, mà ngược lại, tinh thần lá lành đùm lá rách rất cao. Đó là cái thời mà chiếc xe đạp tôi đi tới nhà thuốc Tây mua thuốc rồi quên băng nó mà đi bộ về nhà, vài bữa sau nhớ lại ra nhà thuốc, chiếc xe đạp vẫn còn nằm y chang chỗ cũ. Nhớ lại cái thời mà người ta ra

đường muốn đeo bao nhiêu vàng hay mang theo bao nhiêu tiền cũng không sợ bị cướp giật, vì ai ai cũng ầm no sung túc, nên đâu cần phải đi giật hay đi cướp của ai. Hồi đó, sau mỗi vụ gặt lúa, nhà Bác Hai tôi phơi lúa ngoài sân lúa liên tục cả năm bảy ngày cho tới khi nào lúa khô mới đem vô vựa trong bồ lúa chứ ban đêm không cần đem vô nhà, mà chỉ cần lấy những tấm đệm dày lại nhằm tránh sương tránh gió mà thôi, vì ai cũng sung túc nên không ai đi ăn cắp lúa của ai. Cái thời mà nhà không còn gạo nấu cơm, xách nồi qua mượn gạo hàng xóm về nấu, chừng nào có gạo thì đem qua trả lại. Cái thời mà đang ăn cơm nửa chừng hết cơm, bèn xách tô qua xin cơm hàng xóm về ăn tiếp cho no. Cái thời mà nhà thiếu bất cứ thứ gì từ nước tương, nước mắm, muối, đường, tiêu, tỏi, hành, ớt... nếu đang làm đồ ăn nửa chừng mà thiếu, đều có thể chạy qua xin hàng xóm. Cái thời mà người người đều có quyền sở hữu trên mảnh đất mình đang có, chứ không phải là quyền sử dụng, mỗi khi chính quyền muốn thực hiện những tiện ích công cộng đi ngang qua đất mình, chính phủ phải mua lại với giá cả thích đáng, chịu bán hay không ăn thua mình, chứ không do chính phủ. Nhớ lại thời đó, là công dân, ai cũng có quyền mở đài phát thanh hay mở tòa soạn báo tư nhân, có quyền đăng bất cứ thông tin gì và nhà nước không có quyền kiểm duyệt thông tin mà mình phát thanh hay đăng lên. Cái thời mà mọi công dân đều được quyền bầu chọn người đứng đầu đất nước thông qua bầu cử người đứng đầu một nước một cách công khai, tự do và dân chủ. Nếu người dân không hài lòng với cách điều hành quốc gia của chính phủ, người dân có quyền xuống đường biểu tình đòi chính phủ phải thay đổi mà không gặp bất kỳ sự đàn áp hay bắt bớ gì của chính phủ.

Phải thực tình mà nói, ngày đó đồng tiền Việt Nam hơn xa đồng tiền của các nước khác trong vùng như Nhật Bản, Đài Loan, chứ đừng nói chỉ các nước Tân Gia Ba (Singapore), Thái, Indonesia... Tôi còn nhớ năm 1955, một Mỹ kim chỉ ăn 35 đồng Việt Nam. Cùng năm đó 1 đồng Việt Nam=10 đồng quan Pháp (đồng francs). Đến đầu năm 1969, không kể đồng tiền Singapore được bảo chứng bởi Ngân Hàng Anh Quốc, còn thì phải nói đồng tiền Việt Nam là một trong những đồng tiền có giá trị cao trong vùng Đông Á. Lúc này một đô la Mỹ ăn 118 đồng tiền Việt Nam, trong khi đó phải 360 đồng Yen của Nhật mới bằng một đô la Mỹ (năm 1975, 1 đô la Mỹ=397 yen), 291 đồng Rupiahs của Indonesia, 240 đồng kip của Lào, 40 đô la Đài Loan... Hồi này một lượng vàng tại miền Nam Việt Nam chỉ vào khoảng 4.130 đồng Việt Nam mà thôi. Nghĩa là lương của một vị sĩ quan cấp

uỷ trong ngành KQ của quân lực VNCH mỗi tháng có thể mua trên 6 lượng vàng. Đúng là cái thời hoàng kim của đồng bạc Việt Nam. Đến tháng 10 năm 1969, khi tôi đi học tại Mỹ thì một Mỹ kim vẫn còn ăn 118 đồng Việt Nam. Mà hồi đó, mình mang giấy Thông Hành Việt Nam (passport) đi ra nước ngoài, đi đâu đến đâu cũng đều nhận được sự quý mến và tôn trọng. Còn một điều nữa, vào cái thời đó, đồng tiền Việt Nam có thể xài được tại hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tôi nhớ hồi khoảng cuối năm 1969, trước khi lên đường đi du học, phòng Tài Chánh của BTL KQ đem lại phát tiền tháng lương hiện tại nên tôi không có đủ thì giờ gửi về nhà hay ra ngân hàng để đổi lấy Mỹ Kim. Khi máy bay đáp xuống phi trường Honnolulu (Hawaii), khi đó tiền Mỹ kim tôi để trong xách tay, trong túi chỉ có tiền Việt Nam mà tôi mới vừa lãnh trước khi lên đường, tôi móc tiền Việt Nam ra hỏi thử xem họ có nhận hay không, mới biết họ vẫn nhận và thối lại tiền thừa cho tôi bằng Mỹ Kim. Phải thật tình mà nói, nếu không có cái thời đó, thì mười mấy anh em trong gia đình nghèo, rất nghèo như gia đình tôi, chắc đều phải đốt hết. Gia đình anh em con cháu chúng tôi mãi mãi nhớ ơn và biết ơn cái thời vàng son ấy, và hầu hết những ai còn thao thức cho tiền đồ dân tộc và đất nước đều nghĩ nhớ về MỘT THỜI VANG BÓNG ẤY, MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ!!! Bây giờ nghĩ lại thấy buồn buồn trong bụng làm sao. Có sự làm sao mà dùng một cái không còn sót lại một chút bóng vang nào hết vậy hỡi Trời!!!



Hình 1: Mặt trước của một trong 6 loại giấy bạc Năm Trăm Đồng được phát hành thời VNCH, 1954-1975. Hình Dinh Độc Lập (thời Pháp thuộc là Dinh Toàn Quyền ở Sài Gòn).



Hình 2: Mặt sau của một trong 6 loại giấy bạc Năm Trăm Đồng được phát hành thời VNCH, 1954-1975. Hình người đang điều khiển trâu cày ruộng và cảnh thôn quê Miền Nam.



Hình 3: Mặt trước của một trong 2 loại giấy bạc Một Ngàn Đồng được phát hành thời VNCH, 1954-1975. Hình phía trước Ngân Hàng Quốc Gia (thời Pháp thuộc là Đông Dương Ngân Hàng) ở thủ đô Sài Gòn.



Hình 4: Mặt sau của một trong 2 loại giấy bạc Một Ngàn Đồng được phát hành thời VNCH, 1954-1975. Hình hoa văn.



Hình 5: Mặt trước có hình Dinh Độc Lập của loại giấy bạc Năm Ngàn Đồng được in năm 1975, nhưng chưa được lưu hành, ảnh Internet.



Hình 6: Mặt sau có hình con cọp đang nhe răng của loại giấy bạc Năm Ngàn Đồng được in năm 1975, nhưng chưa được lưu hành, ảnh Internet.



Hình 47: Mặt trước có hình Dinh Độc Lập của loại giấy bạc Mười Ngàn Đồng được in năm 1975, nhưng chưa được lưu hành, ảnh Internet.



Hình 48: Mặt sau có hình đầu bò của loại giấy bạc Mười Ngàn Đồng được in năm 1975, nhưng chưa được lưu hành, ảnh Internet.

VII

NHỚ CÁI THỜI NGƯỜI NÔNG DÂN ĐƯỢC LÀM CHỦ MẢNH RUỘNG MÌNH ĐANG LÀM VỚI BẢNG KHOÁN QUYỀN SỞ HỮU ĐẤT DO CHÍNH PHỦ CẤP CHO

Phải thật tình mà nói, hầu hết những nhà lãnh đạo Việt Nam Cộng Hoà đều mong muốn thấy được người nông dân làm chủ mảnh ruộng mà họ đang làm. Ngay sau năm 1949, khi người Pháp bắt đầu trao trả độc lập cho Việt Nam, Cựu Hoàng Bảo Đại đã cho ban hành sắc lệnh về Cải Cách Điền Địa, nhưng vì chiến tranh và chưa có thực quyền nên sắc lệnh này không mang lại kết quả đáng kể nào. Sau năm 1954, nghĩa là sau hiệp định đình chiến Genève chia đôi đất nước, miền Nam đã từng trải qua hai cuộc Cải Cách Điền Địa cũng như một số chính sách khác về ruộng đất. Năm 1954, khi còn là Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hoà, ông Ngô Đình Diệm đã tiến hành cải cách nông thôn, nhưng vì phải đương đầu với quá nhiều vấn đề tại một quốc gia non trẻ, vừa mới thu hồi nền độc lập, nên chương trình cải cách nông thôn cũng chưa có kết quả đáng kể. Đến thời Đệ Nhị Cộng Hoà, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu mới tiến hành đề cử lên quốc hội về luật Người Cày Có Ruộng, và Tổng Thống đã chính thức công bố luật Người Cày Có Ruộng vào ngày 26 tháng 3 năm 1970.

Ngay sau khi người nông dân được chánh phủ VNCH cấp phát bằng khoán phân phát ruộng miễn phí, dầu cộng sản luôn hăm dọa quấy phá và khủng bố nhưng nông dân miền Nam vẫn vô cùng Hân hoan ra đồng làm ruộng trên mảnh đất do chính mình làm chủ. Họ cày bừa trên mảnh đất của mình suốt ngày mà không thấy mệt. Chính nhờ vậy, dầu đất nước đang trong tình trạng chiến tranh khốc liệt, nhưng cuối năm 1970, trong chương trình TĂNG GIA SẢN XUẤT cũng do chính phủ thời Đệ Nhị Cộng Hoà tài trợ, lúa gạo thu hoạch tại miền Nam tăng vọt. Đây mới đúng là cách giúp cho người dân thật sự phú cường và an cư lạc nghiệp. Tưởng cũng nên nhắc lại, theo Công Báo Việt Nam Cộng Hoà từ tháng giêng năm 1969 đến tháng 12 năm 1970 (Administrative Bulletin of Republic of Vietnam from January 1969 to December 1970), thời Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hoà, năm 1970, chính phủ đã ra luật truat hữu đất của địa chủ (tức là mua lại đất của

địa chủ để cấp phát cho nông dân trong chương trình NGƯỜI CÀY CỎ RUỘNG. Chính vì thế mà kể từ tháng 8 năm 1969 đến tháng 3 năm 1970, sau một thời gian tranh luận khá gay go trong Quốc hội vì nhiều dân biểu là địa chủ không muốn bị truất hữu, cuối cùng thì đạo luật được Thượng viện thông qua ngày 6 tháng 3 năm 1970 và Hạ viện đã đi đến chung quyết ngày 16 tháng 3 năm 1970. Đến ngày 26 tháng 3 năm 1970, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu của nền Đệ Nhị Cộng Hoà đã ký tại Cần Thơ sắc lệnh số 003/60 ban hành luật "Người Cày Có Ruộng". Sau khi ký luật, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đã nói: "Hôm nay là ngày vui sướng nhất của đời tôi" vì đây là ngày ban hành luật "Người Cày Có Ruộng" được coi là ngày nghỉ lễ trên toàn quốc.

Theo Luật Người Cày Có Ruộng, quốc hội lưỡng viện VNCH đã chấp thuận Luật Người Cày Có Ruộng. Luật quy định của luật này, những ruộng đất không trực canh, tức không do địa chủ trực tiếp canh tác, sẽ được chính phủ truất hữu và phải được bồi thường thỏa đáng theo thời giá. Chính phủ sẽ phát hành công khó phiếu để chi trả những khoản này. Chủ đất được bồi thường 20% bằng hiện kim và 80% bằng công khó phiếu trả 10% lãi trong tám năm. Giá trị của đất ruộng quy định là 2,5 lần giá năng suất thóc từ khoảnh đất đó. Tương cũng nên nhắc lại, tất cả những đại biểu quốc hội thời VNCH đều được người dân bầu lên trong những cuộc bầu cử trên toàn quốc. Họ là người đại diện thật sự của người dân để đứng ra làm luật và phê chuẩn những vấn đề quan trọng trong đất nước Việt Nam Cộng Hoà.

Tất cả những ruộng đất truất hữu sẽ được ưu tiên cấp phát miễn phí cho nông dân, mỗi người dân trong các gia đình nông dân đều được cấp 3 công đất. Thí dụ gia đình nông dân có 10 người thì gia đình đó sẽ được cấp phát 30 công đất để tự làm ruộng sinh sống. Trong khi đó, các địa chủ chỉ có thể giữ lại tối đa 15 mẫu đất, tức 150 công đất. Tuy nhiên, Luật "Người Cày Có Ruộng" không áp dụng đối với ruộng đất của các tổ chức tôn giáo và ruộng đất hương hỏa gia đình của người dân. Mục tiêu của việc cải cách này là cấp miễn phí 1,5 triệu hecta ruộng lúa cho 800 ngàn gia đình nông dân. Điều quan trọng hơn hết ở đây là ngay sau khi cấp phát ruộng, chính phủ cũng cấp ngay bằng khoán đất, chứng nhận QUYỀN SỞ HỮU đất cho các nông dân. Luật cũng quy định rõ ràng, những nông dân được nhận đất theo quy định chương trình Người cày có ruộng thì không được phép sang nhượng hay bán lại thửa đất đó trong vòng 15 năm.

Phải thực tình mà nói, chương trình Người Cày Có Ruộng là một trong những điểm son của thời Đệ Nhị Cộng Hoà, MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ!!! Ngay chính báo chí tại Hoa Kỳ cũng đã hết lời ca ngợi. Một trong những tờ báo có tiếng tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn là tờ Washington Evening Star đã gọi đó là ‘Tin tức tốt đẹp nhất đến từ Việt Nam kể từ khi kết thúc sự chiếm đóng của người Nhật.’ Trong khi tờ The New York Times cho rằng ‘Có lẽ đây là cuộc cải cách ruộng đất không cộng sản mang nhiều tham vọng và tiến bộ nhất của thế kỷ 20.’ Chính chương trình Người cày Có Ruộng đã tạo ra một tầng lớp tiểu nông rất đông đảo (như trên đã nói, có ít nhất 800 ngàn gia đình nông dân được cấp phát ruộng đất), thúc đẩy kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp phát triển. Nông dân hăng hái sản xuất và năng suất lao động trong sản xuất lúa gạo tăng lên nhanh chóng, đời sống của nông dân được cải thiện. Có rất nhiều người hiện tại bị tuyên truyền một cách lừa bịp, nói rằng kinh tế Việt Nam Cộng Hoà phát triển nhờ tiền của Mỹ. Phải nói đây là cách tuyên truyền rẻ tiền, chỉ dành cho trẻ nít lên ba, chứ trẻ lớn hơn, biết suy nghĩ, sẽ thấy ngay đây chỉ là cách tuyên truyền bịp bợm và ngu muội. Khi họ truyền truyền như vậy chứng tỏ họ không biết gì về miền Nam với một nền kinh tế phát triển mạnh nhất Đông Nam Á những 10 năm trước khi người Mỹ đầu tiên đổ bộ vào Việt Nam. Việt Nam Cộng Hoà được độc lập từ năm 1954, từ đó những nhà lãnh đạo miền Nam đã hết sức cố gắng với những chương trình phát triển nông nghiệp song song với phát triển công nghiệp và kỹ nghệ... cho đến đầu năm 1964, nghĩa là 10 năm sau ngày độc lập, kinh tế Việt Nam Cộng Hoà đã tiến rất xa so với hầu hết các quốc gia ở Đông Nam Á và Đông Á. Đến năm 1964, người Mỹ mới bắt đầu vào Việt Nam, nhưng hầu hết tiền viện trợ của họ chỉ giúp VNCH về mặt quân sự, chứ tuyệt nhiên không có bất cứ khoản nào cho kinh tế. Trong những năm chiến tranh khốc liệt từ sau 1965 đến 1968, VNCH có vay tiền của Mỹ, nhưng không phải là tiền mặt mà chỉ là hàng hoá nhằm cung ứng những mặt hàng mà Việt Nam không sản xuất được vì lý do chiến tranh. Phải thực tình mà nói, thời đó, mỗi ngày quân cộng sản đào đường đắp mô, khủng bố người dân bằng mọi cách, khiến cho sự di chuyển và làm ăn của người dân ngày càng khó khăn, những mong đánh sập nền kinh tế của Miền Nam Việt Nam, nhưng họ đã lầm, nền kinh tế Việt Nam trong những năm từ 1968 đến 1975 có khó khăn, nhưng nhờ sự quyết tâm của dân quân miền Nam, kinh tế miền Nam vẫn phát triển, chính phủ vẫn chu toàn lo được đầy đủ cho người dân về giáo dục và y tế

miễn phí cho toàn dân. Thật là **MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ!!!**



Hình 1: Cựu Hoàng Bảo Đại đã cho ban hành sắc lệnh về Cải Cách Điền Địa năm 1949, nguồn ảnh Công Báo Quốc Gia Việt Nam 1949 (Administrative Bulletin of Nationalist Vietnam in 1949).



Hình 2: Thủ Tướng Việt Nam Cộng Hoà, ông Ngô Đình Diệm đang tham dự buổi lễ nói về cải cách nông thôn của ông năm 1954, nguồn ảnh Công Báo VNCH 1954 (Administrative Bulletin of Republic of Vietnam 1954).



Hình 3: Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu của nền Đệ Nhị Cộng Hoà đã ký tại Cần Thơ sắc lệnh số 003/60 ban hành luật "Người Cây Có Ruộng" vào ngày 26 tháng 3 năm 1970. Sau khi ký luật, Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu với nét mặt vui tươi hơn hờ, ông đã nói: "Hôm nay là ngày vui sướng nhất của đời tôi" vì đây là ngày ban hành luật "Người Cây Có Ruộng" được coi là ngày nghỉ lễ trên toàn quốc, nguồn ảnh Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of Republic of Vietnam 1970).



Hình 4: Hình ảnh nông dân Miền Nam đang vui tưới cây bừa và thu hoạch lúa gạo trên mảnh đất được chính phủ VNCH cấp phát từ sau tháng 3 năm 1970 trong chương trình NGƯỜI CÂY CÓ RUỘNG, nguồn ảnh Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of Republic of Vietnam 1970).



Hình 5: Hình ảnh nông dân Miền Nam đang vui tưới cây bừa và thu hoạch lúa gạo trên mảnh đất được chính phủ VNCH cấp phát từ sau tháng 3 năm 1970 trong chương trình NGƯỜI CÂY CÓ RUỘNG, nguồn ảnh Công Báo VNCH 1970 (Administrative Bulletin of Republic of Vietnam 1970).



Hình 6: Hình ảnh nông dân Miền Nam đang vui tưới cây bừa và thu hoạch lúa gạo trên mảnh đất được chính phủ VNCH cấp phát từ sau tháng 3 năm 1970 trong chương trình NGƯỜI CÂY CÓ RUỘNG, nguồn ảnh internet (Google).

VIII

THẤY NHÂN TÌNH THẾ THÁI CỦA XÃ NGHĨA MÀ NHỚ, RẤT NHỚ ĐẾN NHÂN TÌNH THẾ THÁI CỦA MỘT THỜI RẤT ĐÁNG NHỚ ĐÃ QUA

Ngày trước, trước năm 1975, dầu đất nước đang trong tình trạng chiến tranh chết chóc và mạng sống con người không khác chỉ mảnh treo chuông, nhưng nhớ quá phong cách sống của người miền Nam. Hồi ấy người Miền Nam khi đi ra nước ngoài chỉ với mục đích là đi học cái hay cái đẹp của nước người rồi trời về phục vụ đất nước và dân tộc, chứ chưa từng có người nào đi nước ngoài để làm mướn. Đó chính là dấu hiệu của một đất nước phát triển, vì công nhân chuyên viên kỹ thuật và kỹ sư, y sĩ, bác sĩ, nha sĩ... được đào tạo ra là để phục vụ cho sự phát triển của đất nước còn chưa đủ, lấy đâu ra người để đi ra nước ngoài làm mướn. Thế mà ngày, hãy thử nhìn kỹ lại mà xem coi đất nước thời Xã Nghĩa có thật sự phát triển hay không khi đất nước ấy không cần nhân công và chuyên viên kỹ thuật mọi ngành nghề??? Ấy vậy mà địa phương nào đưa công dân của mình ra nước ngoài làm mướn thật nhiều thì được nhà cầm quyền khen thưởng là đạt được thành tích. Khó hiểu thiệt!!!

Ngày trước, khi đi ngoài đường, thấy ai bị nạn, cả một nhóm người từ già đến trẻ đều xúm lại giúp đỡ. Còn bây giờ, sau nửa thế kỷ, con người chẳng những mất tiêu cái phong cách sống ngày đó, mà họ còn sống một cách vô hồn vô cảm và tàn bạo nữa là đằng khác. Khoảng tháng 4 năm 2008, sau khi tham dự Đại Lễ Visak ở Hà Nội theo lời mời của Hiệp Hội Phật Giáo Thế Giới. Sau lễ Vesak, chúng tôi đã bỏ ra khoảng mười ngày để thăm viếng hầu như toàn bộ các tỉnh miền Bắc. Trong dịp này, tôi chứng kiến ít nhất là 3 tai nạn xe tại các vùng phía Bắc Hà Nội, nhưng trong cả 3 lần ấy, tài xế đều bỏ xe chạy trốn. Tôi có hỏi anh bạn tài xế chở chúng tôi đi, sao không chờ nhân viên công lực đến giải quyết mà phải bỏ trốn? Anh tài xế trả lời: Tại mấy ông không biết, chứ dân tình ở đây họ dữ dằn lắm. Không bỏ trốn là những tài xế gây tai nạn ấy sẽ bị dân chúng đánh từ bị thương nặng đến chết đó mấy ông ơi!

Rồi sau đó, nhân cơ hội này tôi có về lại Vĩnh Long thăm lại cố hương sau bao nhiêu năm xa cách. Khi xe đi gần tới Bến Lức trên

quốc lộ 1A, xe chúng tôi chứng kiến một tai nạn, một người đi đường bị một chiếc xe hơi đụng té ngã xuống mặt đường. Chúng tôi cứ tưởng là viên tài xế của chiếc xe gây tai nạn sẽ xuống xe để cứu giúp người lâm nạn, nhưng không, y cho xe chạy lui lại và cán lên người nạn nhân thêm một lần nữa. Thế là nạn nhân coi như chết hoàn toàn. Một vài ngày sau đó, khi anh em chúng tôi lên Sài Gòn, vùng Đầm Sen, để thăm Bà Cô Út (em ông ngoại), chúng tôi lại chứng kiến thêm một tai nạn giống hệt như tai nạn ở Bến Lức. Từ sau phút giây chứng kiến 2 cảnh tượng này, tôi như người mất hồn. Trời ơi! Dân Việt sao lại đến nỗi như thế này? Trời ơi! Tình người của những người đồng chủng ở đâu khi đã đụng người ta, chưa biết sống chết thế nào thì lại de xe lại cán chết luôn. Hồi trước 1975, chỉ cần thấy một người lâm nạn là cả đám người xúm lại giúp đỡ. Còn bây giờ, tôi hết hồn khi thấy cảnh người đối xử với người, thấy nạn nhân bị thương nằm rên la giữa đường, nhưng mọi người đi ngang, hoặc bỏ đi luôn, hoặc chỉ đứng nhìn mà không vào cứu giúp. Tôi có hỏi mấy em tôi thì mấy em nói thời buổi bây giờ khó biết thiên hạ lắm anh ba ơi! Ai lại không muốn giúp người, nhưng rồi ai cũng không dám tới giúp, vì rất có thể vì giúp nạn nhân mà chính mình phải mang họa vào thân, chẳng hạn do gia đình nạn nhân hành hung, hoặc giả do dàn cảnh lừa đảo hoặc sự hạch hội những nhiều phiền phức từ nhà cầm quyền, hoặc nhiều, nhiều nguyên nhân khác lắm... Trời ơi, sao lại đến nông nỗi này!!!

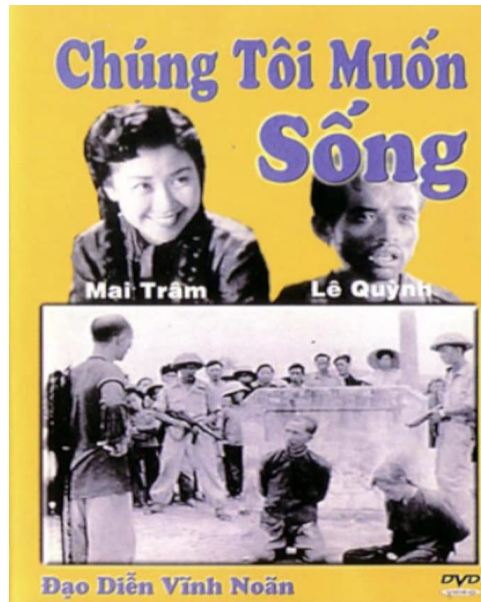
Trong lần đó, phải thành thật mà nói, tôi biết được nhiều thứ về hiện trạng của đất nước hoàn toàn trái ngược với thời của tôi trước năm 1975. Ngày đó, nhất là những năm từ 1954 đến năm 1959, ban đêm chúng tôi không cần phải đóng cửa. Đến ngày mùa, cắt lúa xong để hết ngoài sân lúa, tối chỉ cần lấy tấm đệm phủ lại là xong, mà có ai thêm đi ăn cắp ăn trộm gì của ai đâu. Còn bây giờ, chỉ hai tháng tôi lưu lại Sài Gòn và Miền Tây, tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu là những vụ trộm cướp, phải thực tình mà nói, bây giờ khắp nơi trộm cắp như rươi, cướp giật nhan nhản, lừa đảo khắp nơi, ma túy tràn lan từ thành thị tới nông thôn, nếu đem tổng số hành hung đâm chém giết người mà so với dân số thì quá cao, có thể đứng vào những hạng đầu thế giới cũng không chừng. Vì sao nên nỗi, từ một Hòn Ngọc Viễn Đông, phát triển vào bậc nhất Đông Nam Á lại ra đến nông nỗi này! Có lần chúng tôi vừa đi ra ngoại ô Thành Phố Thủ Đức, thấy người ta đang lố nhố bắt những tay đi rải Đỉnh ngoài đường. Ban đầu tôi tự hỏi, sao lại rải đỉnh? Sau đó mấy em tôi giải thích: anh ba thấy đó, trên tuyến đường này có nhiều chỗ vá vỏ xe, mà chỗ nào có nhiều

chỗ vá xe là chỗ đó có “đình tặc”. Tôi hỏi: đình tặc là cái quái gì? Mấy em giải thích, là những kẻ đi rải đinh với mục đích mang công việc lại cho mấy chỗ vá xe kia. Trời ơi! Trên địa cầu này có đất nước nào có những kẻ thần nhiên ngồi cắt từng miếng sắt thép cho thật nhọn rồi đem rải trên đường làm người khác té nhào để kiếm tiền từ việc thay vỏ ruột xe???

CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG LẠI MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ!!!

Hồi trước, lúc còn nhỏ, mỗi lần tôi xem phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG, tôi cứ tự hỏi, có ai không cho mình sống đâu mà phải làm phim với tựa đề này? Nhưng kể từ sau năm 1975, nhất là khi tôi phải vượt trùng dương với thiên nan vạn nan đang chờ đợi trong thập tử nhất sinh, tôi mới thấm thía với hình ảnh của những người dám vượt những cơn sóng dữ vượt biên vào Miền Nam. Họ chỉ muốn được quyền tự quyết cho tương lai của mình và con cháu mình, họ chỉ muốn được quyền tự chọn những hiền nhân ra giúp nước, họ thà vượt cơn sóng dữ với nguy cơ chết nhiều hơn sống để con cháu họ được sống tự do và hạnh phúc. Họ chỉ muốn con cháu họ hồn nhiên tới trường và học tập với thầy cô đúng nghĩa thầy cô. Họ chỉ muốn sống trong một đất nước mà người lãnh đạo luôn cố gắng thực thi giáo dục và y tế miễn phí cho toàn dân. Ngày trước, mỗi lần vô ruộng bắt cá hay đi câu, khi khát nước, chỉ cần lấy tay bụm một bụm nước trong dẫu chân trâu là uống được ngay. Hãy trả lại cho chúng tôi cái thời ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ ẤY!!! Về sau này, sau khi tôi trở lại Mỹ lần thứ hai và được biết phim đã được chiếu tại Tòa Bạch Ốc thời tổng thống Reagan, và cho các nhóm sinh viên học ngành chính trị tại Hoa Kỳ, rồi sau đó người Mỹ đã xây dựng Đài Tưởng Niệm Một Trăm Triệu Nạn Nhân Cộng Sản tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, tôi mới thấy rõ thêm về tầm quan trọng của cuốn phim được sản xuất vào đầu thập niên 1950s này. Phải nói, đây là một cuốn phim độc nhất được sản xuất từ thời đó cho đến bây giờ, đã giúp cho nhiều người hiểu rõ thêm về một chế độ bạo tàn mà cho đến nay, bao người bỏ nước ra đi tìm tự do, vẫn còn thấy thấm thía và đau lòng. Ngay tới ngày nay, học sinh Khoa Chính Trị Học tại Mỹ vẫn đang dùng nó để làm tài liệu. Phải thật tình mà nói, bây giờ thì đa số nhân loại trên thế giới, nhất là những người Âu-Mỹ đang nhìn Cộng Sản như thứ gì đó tàn độc và tồi

tệ nhất cho nhân loại. Nếu ai một lần được đến viếng Đài Tưởng Niệm Một Trăm Triệu Nạn Nhân Cộng Sản tại thủ đô Hoa Thành Đồn thì sẽ rõ những gì tôi vừa nói. Hiện tại đa phần nhân loại trên thế giới đang nhìn Cộng Sản như đám mây đen bay qua trên bầu trời, và Tự Do thì như ánh mặt trời cần thiết cho muôn loại. Thế hệ trẻ của Việt Nam ở trong và ngoài nước, mới lớn lên trong vài thập niên qua, phần lớn đều không hiểu Cộng Sản là gì, nhưng đâu có kẻ nào muốn sống dưới đám mây đen tối, vì ai cũng thích thoải mái vẫy vùng tự do dưới ánh nắng ấm áp của mặt trời của MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ!!!



Hình 1: Một số hình ảnh trong phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG, nguồn ảnh internet (Google).



Lê Quỳnh trong phim "Chúng tôi muốn sống"

Hình 2: Một số hình ảnh trong phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG, nguồn ảnh internet (Google).



Hình 3: Một số hình ảnh trong phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG, nguồn ảnh internet (Google).



Hình 4: Một số hình ảnh trong phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG, nguồn ảnh internet (Google).



Hình 5: Một số hình ảnh trong phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG, nguồn ảnh internet (Google).



Hình 6: Một số hình ảnh trong phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG, nguồn ảnh internet (Google).



Hình 7: Một số hình ảnh trong phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG, nguồn ảnh internet (Google).



Hình 8: Một số hình ảnh trong phim CHÚNG TÔI MUỐN SỐNG, nguồn ảnh internet (Google).



Hình 9: Hình ảnh Đài Tưởng Niệm 100 Triệu Nạn Nhân CS tại Hoa Thịnh Đốn (Washington, D.C.), thủ đô của Hoa Kỳ. Tượng cũng nên nhắc lại, Đài Tưởng niệm Nạn nhân của Chủ nghĩa Cộng sản (Victims of Communism Memorial) được xây dựng trong một khuôn viên tại Washington, D.C., ở giao điểm của Đại lộ Massachusetts và Đại lộ New Jersey và Đường G, N.W, cách Ga Liên hiệp (Union Station) hai dãy phố và trong tầm nhìn của Tòa nhà Quốc hội Hoa Kỳ, về hướng Tây. Theo Ban Quản Lý & Điều Hành Ngân Quỹ của Đài Tưởng niệm Nạn nhân của Chủ nghĩa Cộng sản thì mục đích của việc xây dựng tượng đài lớn này là ‘để lại lịch sử về sự tàn bạo của cộng sản sẽ được dạy cho các thế hệ tương lai’, và được ghi nhận là “để tưởng nhớ hơn 100 triệu nạn nhân của chủ nghĩa cộng sản”. Đài Tưởng niệm Nạn nhân của Chủ nghĩa Cộng sản được Tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush khánh thành vào ngày 12 tháng 6 năm 2007, kỷ niệm 20 năm ngày Tổng thống Ronald Reagan đọc bài diễn văn nổi tiếng ‘Hãy phá đổ bức tường này’ trước Bức tường Berlin, nguồn ảnh internet (Google).



Hình 10: Hình ảnh Lễ tưởng niệm & đặt vòng hoa tại Đài Tưởng Niệm 100 Triệu Nạn Nhân CS tại Hoa Thành Đồn (Washington, D.C.), thủ đô của Hoa Kỳ vào ngày 6 tháng 11 năm 2022. Các phái đoàn Việt Nam gồm có: 1) Victims of Hue 1968 Massacre-Hội Thân Hữu Cổ Đô Huế. 2) Vietnamese American Community of The USA-Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hoa Kỳ. 3) Thang Long Vietnamese Language School, Viet Toon, and Viet American Trường Việt Ngữ Thăng Long, Nhóm Viettoon và Người Mỹ gốc Việt. 4) Boat People SOS (Hội Thuyền Nhân SOS). 5) Vietnam Coalition Against Torture (Hội Việt Nam Chống Bạo Hành). 6) The Council of People and Religions of Vietnam. Tưởng cũng nên nhắc lại, Đài Tưởng niệm Nạn nhân của Chủ nghĩa Cộng sản (Victims of Communism Memorial) được xây dựng trong một khuôn viên tại Washington, D.C., ở giao điểm của Đại lộ Massachusetts và Đại lộ New Jersey và Đường G, N.W, cách Ga Liên hiệp (Union Station) hai dặm phố và trong tầm nhìn của Tòa nhà Quốc hội Hoa Kỳ, về hướng Tây. Theo Ban Quản Lý & Điều Hành Ngân Quỹ của Đài Tưởng niệm Nạn nhân của Chủ nghĩa Cộng sản thì mục đích của việc xây dựng tượng đài lớn này là ‘để lại lịch sử về sự tàn bạo của cộng sản sẽ được dạy cho các thế hệ tương lai’, và được ghi nhận là “để tưởng nhớ hơn 100 triệu nạn nhân của chủ nghĩa cộng sản”. Đài Tưởng niệm Nạn nhân của Chủ nghĩa Cộng sản được Tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush khánh thành vào ngày 12 tháng 6 năm 2007, kỷ niệm 20 năm ngày Tổng thống Ronald Reagan đọc bài diễn văn nổi tiếng ‘Hãy phá đổ bức tường này’ trước Bức tường Berlin, nguồn ảnh internet (Google).

IX

NẾU TÔI CÓ QUYỀN ĐÒI LẠI, TÔI CHỈ ĐÒI LẠI CÁI THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ ẤY!!!

Nhiều khi tôi tự hỏi, nếu tôi có quyền đòi lại những gì dân tộc tôi nên có thì tôi chỉ đòi lại những gì mà chúng tôi đã từng có trước năm 1975, chúng tôi chỉ muốn có cuộc sống vào cái thời mà bây giờ chúng tôi gọi là MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ!!! Nếu những người anh em vô minh phía bên kia trả lại cho chúng tôi quyền làm một con người đúng nghĩa với đầy đủ tự do, dân chủ, nhân quyền; trả lại cho chúng tôi. Trả lại cho chúng tôi những năm tháng êm đềm, những đêm không cần đóng cửa, những lúa phơi ngoài sân lúa không cần phải đem vô nhà mỗi đêm rồi sáng lại phải đem ra phơi tiếp. Trả lại cho chúng tôi những địa danh quen thuộc như Sài Gòn, Gia Định... Hãy trả lại đúng chỗ những ngôi chùa và giáo đường năm xưa, có Phật thiết, có Chúa thiết, chứ không phải là đồ vàng mã. Nếu tôi có quyền đòi lại những gì mà dân Miền Nam chúng tôi từng có, TÔI CHỈ ĐÒI LẠI NHỮNG THANH BÌNH, TỰ DO, DÂN CHỦ VÀ NHÂN QUYỀN CỦA MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ ẤY!!!

Người Long Hồ Ngày đó, tuy gia đình mình nghèo, nghèo lắm, nhưng mẹ cha còn được người ta cho làm cho ăn, còn ngày nay, dù có làm như trâu đi nữa cũng chưa chắc là có ăn đâu! Ngày trước họa hoàn lắm mình mới tìm thấy những con người bất hạnh phải sống lê lết bên đĩa hè với những mảnh đời mất mát, nhưng ngày nay, đi đâu đến đâu, cũng là những mảnh đời mất mát, những số phận hẩm hiu hết. Ngày trước dù cuộc sống có cơ cực thế mấy, người ta còn có lúc nghĩ tới niềm vui giải trí, bây giờ trong cuộc sống đời đời hôm nay, chỉ có đám trẻ là sống buông thả không biết ngày mai, và ngoại trừ một thiểu số ăn trên ngồi trước, thiểu số kiếm tiền trên xương máu của người khác; còn đối với tuyệt đại đa số dân chúng, niềm vui giải trí là một thứ xa xỉ phẩm mà không ai dám nghĩ tới, Cho tới giờ phút này, sau gần 50 năm đời đời, mình vẫn chưa hiểu nổi tại sao trong lịch sử dân mình nước mình, tự thuở giờ có khi nào mà dân chúng lại ùn ùn bỏ nước ra đi như thế này đâu? Chính bản thân tôi, ngay những ngày đầu 75, đầu biết là ở lại tôi sẽ phải chịu cảnh tù đầy, nhưng tôi

đã cương quyết ở lại kia mà, nhưng rồi sau tám năm lao khổ trong các trại tù khổ sai của người anh em vô minh phía bên kia, cuối cùng tôi cũng phải bỏ nước ra đi. Biết rằng bỏ nước ra đi là chấp nhận tất cả những hiểm nguy thập tử nhất sinh ngoài biển cả, nhưng sao người ta cũng chẳng màng đến an nguy mà tuân tặc từng đoàn từng đoàn bỏ nước ra đi. Tôi cũng như bao nhiêu người Việt Nam bình thường khác, chỉ ao ước có được một mái ấm gia đình tại quê hương, dù nghèo nhưng nơi ấy mình biết nó đầy ấp tình làng nghĩa xóm, dù nghèo nhưng nơi ấy mình có những người đồng huyết thống, những người cùng nói một thứ tiếng như mình, những người có cùng phong tục tập quán với mình. Mình có mơ ước gì cao xa đâu, thế mà cũng bị người ta vin vào chủ nghĩa và ý thức hệ ngoại lai để cướp mất đi những mơ ước tầm thường ấy! Bây giờ nếu tôi có quyền đòi lại, TÔI CHỈ ĐÒI LẠI CÁI THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ ẤY!!!

Dầu khi ra đi là chấp nhận mất mát thương đau, nhưng với tôi những mất mát thương đau ấy quá lớn cho một kiếp người mong manh, vì nó đã cướp mất của tôi không biết bao nhiêu những người thân thương, mẹ cha đều lần lượt qua đời mà tôi cũng không một lần về để tiễn biệt, để nói lời sau cuối. Thật dòng đời cay nghiệt quá. Những năm tháng nơi xứ lạ quê người, vật chất đầy đủ, nhưng tôi vẫn thấy thiếu thiếu một cái gì ấy. Những năm đông đầy những giấc mơ, giấc mơ về những quá khứ đã đánh mất, giấc mơ về MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ. Những kẻ mệnh danh chủ nghĩa này nọ đã xóa trắng quá khứ không chỉ riêng tôi, mà của vạn triệu con người Việt Nam trong thời đại này. Tôi mơ nhiều, nhiều lắm về mẹ, người mẹ suốt đời tận tụy hy sinh vì chồng vì con. Tôi mơ về những đêm cùng đưa em trai (đã hy sinh trong chiến tranh) thả thuyền giăng lưới bủa dăng trên sông rạch Long Hồ. Ngày ấy hai anh em chúng tôi phải ngủ suốt đêm trên chiếc xuồng nhỏ bồng bênh trên dòng sông Long Hồ để thả lưới. Đêm sương xuống lạnh, nhưng anh em chúng tôi nào có đủ áo ấm, nên chỉ đắp một cái mền cũ rồi ôm nhau mà ngủ, chụm hơi ấm cho nhau. Tôi cũng mơ về ngôi trường và các thầy cô đã hun đúc cho tôi thành người, mơ về một thời cả nhà mười mấy anh em chúng tôi được đi học mà không phải đóng một đồng một cắc nào, mơ về những lần tôi bồng mấy em lên nhà thương thí Nguyễn Trung Trực Vĩnh Long, được các bác sĩ khám bệnh cho thuốc, các y tá cho kẹo và giúp đỡ anh em chúng tôi như những người cha người mẹ chăm sóc cho chính các con của mình. Tôi đã bồng các em tôi đi khám bệnh như vậy hàng chục năm mà đâu phải trả một đồng một cắc

nào. Bây giờ nếu tôi có quyền đòi lại, TÔI CHỈ ĐÒI LẠI CÁI THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ ẤY!!!

Bây giờ sống trên đất nước tạm dung với những vui buồn của cuộc sống hằng ngày, nhiều khi mình cũng cảm thấy tự mình bắt công với cái nơi đã dang rộng đôi tay ra đón lấy mình. Chỗ nào cũng vậy, chỗ nào cũng có cái hay cái đẹp của nó, nhưng với tôi, hình như tôi cô tình phớt lờ đi cái đẹp cái hay của nơi này, có lẽ tâm tư tình cảm của tôi đã đóng đầy cho đất nước mang tên Việt Nam, không phải là một VN Xã Nghĩa hết sức khốn nạn như bây giờ, mà là Việt Nam của MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ!!! Ấy là nơi chôn nhao cất rún mang tên Long Hồ, ấy là nơi mà trong hai thập niên thanh thiếu niên chúng tôi tung tăng cắp sách đến trường mà cha mẹ không phải lo một đồng một cắc cho học phí, và trong hơn 2 thập niên ấy, hơn mười bảy triệu người miền Nam chưa từng phải trả một đồng một cắc nào mỗi khi bệnh hoạn... Nơi mà ban đêm chúng tôi không hề đóng cửa, và trong suốt hơn 2 thập niên ấy, chuyện trộm cướp rất ít khi xảy ra đến nỗi người dân hầu như quên mất đi 2 từ trộm cướp, lúa cất xong người ta không vội đem vô nhà mà để ngoài sân lúa phơi cho đến thiệt khô mới đem vô, ban đêm chỉ cần lấy đệm đặt lúa là được... Chính những ký ức ấy đóng đầy trong tôi, nên trong ký ức tôi không còn khoản nào dành cho bất cứ nơi nào khác, dù cho nơi ấy có là vườn địa đàng đi nữa. Nỗi nhớ niềm mong về quê hương thiệt là lạ, nó khoắc khoải, nó da diết, nó chất ngất đến độ lắm khi mình lại mang ác cảm với những nơi mình đang sống, những nơi đã ban cho mình sự bình yên mà mình không tìm được nơi chính quê hương mình. Quê hương tôi nghèo, nghèo lắm, lại thêm nóng ẩm quanh năm chứ có mát mẻ dễ chịu như ở đây đâu, nhưng tôi vẫn nhớ về nơi ấy, nhất là nhớ về MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ!!! vì chính cái thời ấy đã đóng đầy cho tôi quá nhiều kỷ niệm, vui có, buồn có, tang thương chết chóc cũng có. Thế nhưng lòng tôi không một phút nào nguôi được nỗi nhớ quê hương và về cái thời đáng nhớ, rất đáng nhớ từ năm 1954 đến năm 1975.

Giờ này, tôi đang ở đây, ở trong một đất nước tự do, muốn nói gì thì nói, muốn viết gì thì viết, muốn đi đâu thì đi, muốn ở đâu thì ở, muốn làm nghề gì thì làm, muốn ăn mặc thế nào cũng được, muốn thờ Chúa hay thờ Phật gì cũng không ai nói năng gì tới mình, miễn là mình đừng xâm phạm đến sự riêng tư của người khác. Cuộc sống ở đây thật khác xa cuộc sống ở xứ mình, từ vật chất đến tinh thần. Dù vẫn phải đi làm hằng ngày như mọi ngày, nhưng một ngày lương ở

đây có thể nuôi ăn mình đến cả chục ngày, còn nếu như muốn đem ra mua quần sấm áo, thì một ngày lương tương đương với cả chục cái áo hay cả chục cái quần. Hồi tưởng lại thời tôi còn nhỏ, lương của một thầy giáo dư sức sấm một căn nhà đẹp đẻ và nuôi cả gia đình năm bảy người. Thật là MỘT THỜI ĐÁNG NHỚ, RẤT ĐÁNG NHỚ!!! Bây giờ ở đây dù sống với ngoại nhân, nhưng nhân phẩm và quyền lợi của mình được bảo vệ đúng đắn. Ngẫm nghĩ mình thấy thương cho dân tôi nước tôi quá! Tội gì mà ai cũng phải lầm lũi như những kẻ tội phạm, như những con chó ghè trốn chui trốn nhủi ngay chính trên quê hương mà mình đã sinh ra và lớn lên, tội gì mà mình phải xa cha xa mẹ, vợ phải xa chồng, anh em phải xa nhau vạn dặm như thế này hờ trời? Nhưng thôi, trong khi cả đất nước, cả dân tộc còn phải chịu đựng đầy trong u tối. Thôi, âu cũng là cộng nghiệp của cả dân tộc!

THAY LỜI KẾT

Xin nhắc lại, dầu cái thời ấy chỉ tồn tại có 21 năm nhưng những dấu ấn mà nó để lại trong tâm tưởng người dân Việt, nhất là những người miền Nam, sẽ là vĩnh viễn không phai. Dầu người ta muốn xóa bỏ hết mọi vết tích huy hoàng, hết sức huy hoàng của ngày xưa ấy, nhưng họ đã lầm. Ngày trước ấy, từ thế kỷ thứ nhất cho mãi đến thế kỷ thứ mười, dân tộc ta đã bắt dân mình lên rừng xuống biển, bắt làm nô lệ và đầy đọa còn hơn kiếp trâu cày ngựa cỡi, nhưng rồi cuối cùng dân mình cũng lấy lại những gì mình đã mất. Vì vua quan thì nhất thời còn dân thì vạn đại mà! Minh chắc chắn một ngày không xa nào đó, cái gì của Cesar phải trả lại cho Cesar. Ngày xưa đó, Ngô Quyền đã đánh tan quân đội của dân tộc lạ và giành lại những di sản vô cùng quý báu cho dân mình. Dầu nhà Ngô không tồn tại lâu, nhưng dấu ấn mà nhà Ngô đã để lại cho dân mình là vĩnh viễn, không một ai, mãi mãi không một ai có thể xóa bỏ dấu ấn lịch sử ấy ra khỏi tâm hồn của người Việt Nam. Thành tích sáng chói nhất của nhà Ngô là xây dựng một nền tự chủ cho dân mình. Cách đây hơn 2 thế kỷ, triều đại Tây Sơn (1778-1802), nghĩa là chỉ dài 24 năm nếu tính từ Thái Đức Nguyễn Nhạc, Quang Trung Nguyễn Huệ và Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản. Nhưng nếu tính riêng vua Quang Trung Nguyễn Huệ với hơn 20 năm đánh Nam dẹp Bắc, gom đất nước về một mối và 3 năm trị vì, vua Quang Trung và triều đại của Ngài đã cống hiến cho đất nước này một di sản đồ sộ từ văn hoá, chính trị, kinh tế, ngoại giao đến việc cải thiện nếp sống xã hội và con người. Dưới thời

Quang Trung, ngay cả nước Trung Hoa còn phải nể vì, huống là những nước nhỏ quanh vùng. Rồi trải qua bao cuộc bể dâu, đất nước này cũng trải qua nhiều thăng trầm, nhiều lần bị chia cắt. Có thời Chúa Trịnh tiếm quyền Vua Lê, tạo nên cảnh can qua cho đất nước suốt một trăm năm mươi năm (1627-1777), các Chúa nhà Trịnh cũng được ghi vào sử sách như những vết nhơ, vì có hay ho gì đâu những kẻ CUỐP CHÁNH QUYỀN một cách không cần thiết khiến cho đất nước phải chịu cảnh tụt hậu? Như trong thời cận đại, Việt Nam được hoàn toàn độc lập sau khi quân Nhật thất trận hồi đệ nhị thế chiến 1945, chính phủ non trẻ do Thủ Tướng Trần Trọng Kim lãnh đạo của một nước Việt Nam mới đã bị một nhóm người không nghĩ gì đến quyền lợi đất nước cướp chính quyền cho đảng phái của mình, rồi sau đó, đến năm 1946, đảng trưởng của họ lại cũng vì quyền lợi của đảng mình mà đi xuống tàu Fountainebleau của Pháp ký kết thoả thuận cho người Pháp đổ bộ vào Việt Nam. Đây đúng là hành động vì đảng phái mà bán rẻ đất nước, rất đáng bị lịch sử sau này nguyên rửa. Và hệ quả của việc làm này là sau đó Việt Nam bị chia đôi vào năm 1954, Miền Bắc theo Cộng Sản, miền Nam theo phương cách phát triển tự do và hết lòng phát triển đất nước. Trong suốt thời gian từ năm 1954 đến 1975, hai nền Cộng Hoà của Miền Nam Việt Nam chưa từng phải làm cái việc XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG, vì với nền kinh tế công nghiệp và kỹ nghệ phát triển, Việt Nam Cộng Hoà còn phải mướn thêm nhân công nước ngoài đến Việt Nam làm việc thì làm gì có dư người lao động để đưa đi xuất khẩu... Còn dưới chế độ Xã Nghĩa, kể từ năm 1980 đến nay, mỗi năm trung bình khoảng 150 ngàn người được đưa ra nước ngoài lao động, riêng năm 2023, chỉ 11 tháng đầu của năm 2023 mà tổng số lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đã lên tới con số 146.156 lao động. Không biết Việt Nam Xã Nghĩa đang phát triển kiểu gì. Nếu hiện tại Việt Nam Xã Nghĩa thực sự phát triển mà mỗi năm còn đưa một số người gần 200 ngàn như thế này ra nước ngoài thì lấy ai làm việc trong nước? Chỉ cần suy nghĩ một chút là có câu trả lời ngay thôi. Một hình ảnh từ 2003, nghĩa là đã trên 20 năm, nhưng cho tới bây giờ mỗi lần nghĩ tới, tôi vẫn còn cảm thấy ớn lạnh cả người. Năm đó tôi đi du lịch qua Nam Hàn vào khoảng tháng 2 năm 2003, tôi đi tới khu ngoại ô của vùng Incheon (cách Seoul khoảng 70 cây số về hướng Tây Nam) trời tháng 2 ở Nam Hàn lạnh cóng người, thế mà có một nhóm người đang trâm mình dưới hồ sen để lấy củ sen. Tôi tới gần hỏi thăm mới biết những thanh niên trẻ này đến từ Việt Nam, đi xuất khẩu lao động. Nhìn thấy hình ảnh họ nói

chuyện mà người thì run lên bần bật thật quá cảm thương. Ngay sau đó, lòng tôi cảm thấy buồn buồn khó tả, không còn tâm trí đâu nữa để tiếp tục đi du lịch, tôi bèn trở về khách sạn liên lạc với hãng máy bay để trở về Mỹ sớm hơn dự định. Thời trước, miền Nam cũng có nền đệ nhất và đệ nhị Cộng Hoà, nhưng rồi không may, hai nền Cộng Hoà non trẻ đã yếu mệnh, nhưng những cống hiến cho đất nước này với một di sản đồ sộ từ văn hoá, chính trị, kinh tế, ngoại giao đến việc cải thiện nếp sống xã hội và con người có nhân văn nhân bản, nhất là về âm nhạc với những bản nhạc mà cho tới bây giờ cả nước đều vang tiếng hát... những âm hưởng và những gì tốt đẹp nhất của nó sẽ sống mãi và sống mãi trong lòng người dân Việt, nhất là người dân miền Nam. Như tất cả chúng ta đều biết, 2 nền Cộng Hoà non trẻ đã không còn, nhưng sau nửa thế kỷ, nếu chúng ta đi từ Bắc vô Nam, chúng ta sẽ thấy sẽ nghe đi đâu đến đâu dân chúng 3 miền đều vang vang hát những bài nhạc vàng của 2 nền Cộng Hoà ấy... Bây giờ sau nửa thế kỷ, những kẻ đã từng đánh phá 2 nền Cộng Hoà ngày ấy đang cố gắng chập chững và khập khểnh bước đi những bước mà 2 nền Cộng Hoà ấy đã từng bước rất mạnh dạn và thành công từ những năm 1954 đến 1960: đó là nền kinh tế thị trường tự do. Họ thấy rõ hơn ai hết là những bước đi của họ chẳng những chập chững và khập khểnh mà còn bệnh hoạn nữa vì cái thứ định hướng chết tiệt mà họ đang tung hô, nhưng vì tự ái nên họ thà để cho cả dân tộc bước đi chập chững, khập khểnh và bệnh hoạn như họ... Riêng về giáo dục và y tế, họ vẫn biết giáo dục và y tế quốc dân, nghĩa là giáo dục và y tế miễn phí cho toàn thể người dân trong nước mà 2 nền Cộng Hoà ngày trước đã từng áp dụng từ năm 1954 đến năm 1975 mà lợi ích của nó là không thể nghĩ bàn, vì nó là phúc lợi cho toàn dân khi con em đi học không tốn tiền, bệnh hoạn cũng không tốn tiền trị bệnh thì không sớm cũng muộn dân trí sẽ được nâng cao, dân cũng sẽ giàu có và an cư lạc nghiệp, nhưng đó không phải là chủ trương của họ, chủ trương của họ là chỉ muốn cho người dân biết đọc biết viết để tuân thủ những luật lệ mà họ đặt ra để dễ bề cai trị. Dân trí mà cao, dân chúng mà giàu thì làm sao họ trụ được? Nên trong cái thứ gọi là Xã Nghĩa, dân chúng đừng có mơ đến chuyện giáo dục và y tế miễn phí cho toàn thể người dân trong nước. Phải chăng họ muốn mãi mãi đè đầu cỡi cổ dân mình? Nếu họ nghĩ vậy thì họ đã lầm. Nên nhớ rằng trên đời này không có thứ gì thoát khỏi luật đào thải. Rồi đây, theo luật tự nhiên của đất trời của vũ trụ, gió vô thường vẫn thổi, mưa vô thường vẫn rơi... Sau cơn mưa nào trời cũng lại sáng, không có ngoại lệ!!!

Một số hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, chúng tôi chỉ muốn có lại cuộc sống vào cái thời mà bây giờ chúng tôi gọi là **MỘT THỜI ĐÁNG NHỎ, RẤT ĐÁNG NHỎ!!!** Cái thời mà những ngôi chùa và giáo đường của những năm xưa ấy, có Phật thiết, có Chúa thiết, chứ không phải là đồ vàng mã. Cái thời mà nông dân hớn hờ ra đồng mỗi sáng với tiếng trẻ thơ nô đùa trên những con đường làng thanh bình, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).



Hình ảnh minh họa những gì mà đồng bào Miền Nam chúng tôi đã từng có trước năm 1975, nguồn ảnh internet (Google).

Tài Liệu:

- 1) Công Báo Nam Kỳ 1868-1954 (Bulletin d'Administratif de la Cochinchine 1868-1954).
- 2) Công Báo VNCH 1954-1975 (Administrative Bulletin of Republic of Vietnam 1954-1975).
- 3) Photos by Salles Andre (1895).
- 4) Photos by Aldridge Gallery (1967-1970), Bob Diamond (1968), Brian Bowling (1968-1972), Bruce Decker (1966), Darryl Henley (1966-1967), Ferry (1967), Jerry Cecil (1966-1967), J.Neal Jednoralski (1968), Jeff Bickerton (1969), Jennings Gallery (1967), Noah Dillon (1967-1969), Raymond Pete Peterson (1968-1969), R. Mahoney (1967), William Jones (1971).
- 5) Photos from internet (Google)
- 6) Hình ảnh tư liệu của Hội Ai Hữu CHS TPH Nam California, Hoa Kỳ.
- 7) Hình ảnh tư liệu UNHCR (Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ tại Kuala Lumpur) năm 2008
- 8) Hình ảnh được bạn Lê Quang Trung (CHS TPH 1961-1968) chụp năm 2023.